

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ MỘNG VƯƠNG

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ MỘNG VƯƠNG

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS. HỒ TRỌNG NGŨ

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong Luận văn là hoàn toàn trung thực, đảm bảo độ tin cậy và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của GS. TS. Hồ Trọng Ngũ.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

NGUYỄN THỊ MỘNG VƯƠNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự...	7
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	14
Tiểu kết Chương 1	32
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TẠI HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	33
2.1. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	33
2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	58
Tiểu kết Chương 2	65
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRÊN TẠI HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	66
3.1. Dự báo về những yếu tố tác động đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.....	66
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	70
Tiểu kết Chương 3	73
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
HDXX	:	Hội đồng xét xử
TAND	:	Tòa án nhân dân
TNHS	:	Trách nhiệm hình sự
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Số liệu xét xử các vụ án hình sự của Tòa Án nhân dân huyện Củ Chi từ năm 2013 đến năm 201734

Bảng 2.2. Số liệu các vụ án hình sự được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử từ năm 2013 đến năm 201758

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa rất quan trọng đối với người có hành vi phạm tội trong quá trình tiến hành thủ tục tố tụng hình sự, là cơ sở pháp lý để cơ quan tiến hành tố tụng hình sự xem xét đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Từ đó đưa ra quyết định hình phạt tương xứng có giá trị răn đe, đảm bảo việc cải tạo giáo dục, góp phần thực hiện nguyên tắc công bằng, nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc nhân đạo, đảm bảo quyền con người và tinh thần thượng tôn pháp luật.

Việc xem xét, đánh giá giá trị các tình tiết giảm nhẹ TNHS của HĐXX phụ thuộc vào góc độ nhìn nhận đánh giá cụ thể của từng tình tiết. Cách nhìn nhận và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của HĐXX còn nhiều điểm chưa được khách quan. Nên việc đồng nhất quan điểm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS và áp dụng một cách khách quan là rất quan trọng. Việc nhận thức và áp dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS dẫn đến việc ban hành các quyết định hình phạt chưa phù hợp là vi phạm nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc nhân đạo và đảm bảo quyền con người mà pháp luật quy định.

Từ thực tế tại địa bàn huyện Củ Chi, việc xét xử các vụ án hình sự của TAND huyện Củ Chi hầu hết đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo đúng quy định pháp luật. Nhưng vẫn còn một vài trường hợp, do cách nhìn nhận đánh giá một số tình tiết không đồng nhất dẫn đến những bất cập trong thực tiễn áp dụng.

Chính vì vậy, nội dung luận văn tập trung nghiên cứu “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Luật hình sự Việt Nam” bao gồm lý luận và thực tiễn trên cơ sở số liệu cụ thể tại địa bàn huyện Củ Chi. Từ đó, tác giả đưa ra những giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại địa bàn huyện Củ Chi nói riêng và hệ thống Luật hình sự Việt Nam nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Cho đến nay, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được nghiên cứu qua nhiều công trình. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của các nhà làm luật

đã đề cập ở nhiều phương diện, góc độ và mức độ khác nhau về vấn đề tình tiết giảm nhẹ TNHS. Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát và xây dựng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Có rất nhiều công trình nghiên cứu về “ Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam” và nêu lên những vướng mắc, đưa ra những kiến nghị hoàn thiện các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Qua tìm hiểu, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết đã được công bố của các nhà làm luật học. Gồm các công trình nghiên cứu như sau: TS. Trần Thị Quang Vinh (2001) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ; TS. Trần Thị Quang Vinh (2002) “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật phong kiến Việt Nam”, Tạp chí *Luật học*; TS. Trần Thị Quang Vinh (chủ biên) (2002) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam- phần chung*, Nxb Hồng Đức- Hội luật gia Việt Nam; PGS.TS Võ Khánh Vinh, TS. Trần Thị Quang Vinh (1996) “Về khái niệm, bản chất, ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*; Tập thể tác giả do PGS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2001) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam- phần chung*, ĐH Huế, Nxb Giáo dục; Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2010) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam- phần chung*. Nxb Công an nhân dân;

Tuy nhiên, các quan điểm của các nhà nghiên cứu chưa thống nhất, nhiều vấn đề xoay quanh trong các tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa được lý giải thỏa đáng, bên cạnh đó địa bàn huyện Củ Chi với phần đông dân số là nông dân, người nhập cư tại các tỉnh lân cận, trình độ văn hóa còn hạn chế, điều kiện kinh tế, điều kiện tự nhiên khác với các địa phương khác trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS này được áp dụng như thế nào trong thực tiễn xét xử. Từ những vấn đề bất cập trong thực tiễn và tại địa phương, các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam đòi hỏi cần phải nghiên cứu một cách toàn diện hơn.

Trên cơ sở tổng hợp số liệu từ thực tiễn trên địa bàn huyện Củ Chi, kèm theo phân tích, lý giải thêm về lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình điều tra, xét xử án hình sự, tác giả chọn đề tài “*Các tình tiết giảm*

nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1 Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu so sánh những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 so với Bộ luật Hình sự năm 1999, nhằm tìm ra những bất hợp lý, những hạn chế, thiếu sót trong việc áp dụng thực tiễn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và quy định của Bộ luật Hình sự trong quá trình tổ tụng xét xử, góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao áp dụng pháp Bộ luật Hình sự và giá trị pháp lý của “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam”.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn này tác giả tập trung làm rõ các vấn đề lý luận và quy định cụ thể của Bộ luật Hình sự “các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam”.

Phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý hình sự cụ thể, đặc trưng của BLHS “ Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam”.

Đánh giá tổng quan về thực tiễn áp dụng “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam” của cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn huyện Củ Chi.

Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam”.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu các vấn đề lý luận và pháp luật về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật hình sự Việt Nam đặc biệt là Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 46), Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều 51).

Nghiên cứu hồ sơ bản án, các số liệu trong 05 năm liên quan các án hình sự, từ đó đưa ra đánh giá tổng quan về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi từ thực tiễn.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, định hướng của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền, bằng việc cải cách các chính sách pháp luật, tính nhân đạo trong luật hình sự và cải cách Tư pháp được nêu ra tại các kỳ Đại hội Đảng thực hiện theo Nghị quyết 49/NQ-TU ngày 26/05/2005 về “Chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính Trị”.

Phương pháp nghiên cứu được tác giả sử dụng trong luận văn là phương pháp nghiên cứu điển hình, phương pháp nghiên cứu thống kê, phương pháp nguyên cứu phân tích, so sánh các bản án hình sự của TAND huyện Củ Chi.

Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để tiến hành phân tích và tổng hợp một cách khái quát các nội dung cần nghiên cứu trong Luận văn. Qua đó, phân tích thành từng vấn đề để tìm hiểu cụ thể quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Luận văn tiến hành tổng hợp từng vấn đề lý luận đã phân tích, nhằm xây dựng một số lý luận mới đầy đủ và cụ thể.

Phương pháp thống kê được sử dụng để thu thập và tổng hợp các số liệu về thực trạng áp dụng nhằm đánh giá tình hình tội phạm từ năm 2013 đến năm 2017 tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp so sánh được sử dụng để làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau trong quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành với giai đoạn trước đó,

để từ rút ra được những ưu điểm và hạn chế trong quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Phương pháp lịch sử được sử dụng để tìm hiểu tiến trình hình thành và phát triển qua từng thời kỳ của quy định pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá tác giả tổng hợp và luận chứng các vấn đề bằng phương pháp khoa học.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Xuất phát từ sự điều chỉnh (từ 18 tình tiết tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 tăng thành 22 tình tiết tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015) các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định về “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam”.

Tác giả tập trung phân tích một số tình tiết mà quy định pháp luật còn nhiều ý kiến khác nhau, việc áp dụng đúng bản chất của tình tiết sẽ thể hiện được sự khách quan công bằng trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Luận văn cũng nêu lên những nguyên nhân dẫn đến sự không thống nhất trong hoạt động áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Hội đồng xét xử. Từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị làm sáng tỏ những vướng mắc, hạn chế, thiếu sót trong quy định pháp luật hình sự và góp phần bảo đảm việc áp dụng đúng “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam” trong thực tiễn, nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân, đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc nhân đạo và quyền con người mà pháp luật quy định.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần Mục lục, Danh mục các chữ viết tắt, Danh mục các bảng biểu, Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Nội dung của luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.1.1. Khái niệm và các đặc điểm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.1.1.1. Khái niệm

Cụm từ “ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” được hình thành từ 2 yếu tố chính là “Tình tiết” và “Giảm nhẹ trách nhiệm hình sự”.

Tình tiết: là những sự kiện, dữ liệu, tình huống, diễn biến, hành vi...của một người trong suốt quá trình thực hiện hành vi, sự việc mà kết quả dẫn đến trái với quy định của pháp luật [22, tr.979].

Giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: là mức độ chịu trách nhiệm hình sự được giảm bớt so với quy định của pháp luật.

Về khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về quan niệm vấn đề này cũng có nhiều ý kiến khác nhau như: GS.TSKH Lê Văn Cẩm quan điểm rằng “*tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết được quy định trong Phần chung BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết do Tòa án tự phán xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án (nếu trong vụ án hình sự không có tình tiết này), đồng thời là một trong những căn cứ để cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền và Tòa án tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cá thể TNHS và hình phạt của người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt*”. [1, tr.17]

Hay theo quan điểm của TS. Trần Thị Quang Vinh cho rằng “*Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng và giá trị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chúng chưa được ghi nhận trong chết tài*”. [25, tr.45]

Quan điểm của người làm luật và các học giả về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết được quy định trong BLHS, bởi tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết được ghi nhận trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hay do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án, đồng thời là một trong những căn cứ để Tòa án cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội.

Qua đó, phản ánh mức độ ảnh hưởng đến quyết định xét xử và mức hình phạt của cơ quan tiến hành tố tụng, đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Là cơ sở để người phạm tội có thể chịu trách nhiệm hình sự ở mức thấp hơn so với quy định của pháp luật.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được sử dụng nhiều và có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình cơ quan tố tụng tiến hành xét xử, là căn cứ để đưa ra mức hình phạt của Tòa án. Tuy nhiên, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 không đưa ra khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Từ thực tế cho thấy dù BLHS đã có những điều chỉnh mới những quy định về Điều luật, nhưng bản chất, nội dung của tình tiết giảm nhẹ TNHS mới chỉ nêu đặc trưng pháp lý (Căn cứ tại Điều 46-Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 21- Bộ luật Hình sự năm 2015). Chưa thể hiện được cách nhìn khái quát về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, cách nhận biết như: “Khái niệm tội phạm” tại Điều 8, “Khái niệm hình phạt” tại Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trên cơ sở tiếp thu từ các công trình nghiên cứu của những người đi trước, tác giả xin đưa ra khái niệm định nghĩa: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết xảy ra trong vụ án hình sự. Có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng nhận thức của người có hành vi phạm tội trong quá trình diễn biến sự việc, ý thức ăn năn, hối cải và muốn cải tạo của người phạm tội. Ngoài ra yếu tố hoàn cảnh, nguyên nhân tác động, nhân thân của người phạm tội cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Có giá trị làm cơ sở, xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho người phạm tội được pháp luật quy định cụ thể và công nhận.

Khái niệm về tình tiết giảm nhẹ TNHS giúp cho các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực pháp luật và người dân có thể hiểu rõ hơn, sâu rộng hơn so với kiến thức phổ biến chung hiện nay.

Nhận thức rõ và rộng hơn về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở góc độ bao quát hết tất cả các giá trị giảm nhẹ như:

Không chỉ là yếu tố giảm nhẹ mức hình phạt mà còn có giá trị làm giảm nhẹ đối với những tác động trong hoạt động cưỡng chế hình sự.

Trong quá trình xét xử, giá trị của các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quyết định đến mức độ phạm tội và hình thức xử phạt.

Ý nghĩa chuyên sâu được thể hiện ở cơ chế giảm nhẹ TNHS dựa trên cơ sở xác định tiêu chí để xem xét một tình tiết có giá trị giảm nhẹ bằng việc phân loại và làm rõ ranh giới của các tình tiết giảm nhẹ TNHS với các tình tiết khác trong vụ án nhưng không được sử dụng trong giải quyết vụ án, với các tình tiết thuộc về dấu hiệu của cấu thành tội phạm (tình tiết định tội, định khung), với các tình tiết thuộc và không thuộc việc thực hiện tội phạm.

1.1.1.2. Đặc điểm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự Việt Nam năm 2015 được ghi nhận ở hai khía cạnh cụ thể là:

Tình tiết trong quá trình thực hiện hoặc sau khi diễn ra sự việc, hành vi vi phạm pháp luật.

Hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân tác động, trình độ văn hóa... của người phạm tội.

a. Tình tiết trong quá trình thực hiện hoặc sau khi diễn ra sự việc, hành vi vi phạm pháp luật được công nhận theo Luật hình sự Việt Nam:

Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

Người phạm tội tự thú;

Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải;

Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm;

Người phạm tội đã lập công chuộc tội;

Đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình thực hiện hoặc sau khi diễn ra sự việc, hành vi vi phạm pháp luật:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình thực hiện hoặc sau khi diễn ra sự việc là những yếu tố xuất hiện khi thực hiện hành vi phạm tội hoặc sau khi đã thực hiện hành vi phạm tội.

Các tình tiết người phạm tội tự thú hay thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải thể hiện sự thay đổi tích cực trong suy nghĩ của chính họ. Họ nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và làm thay đổi bản chất hành vi vi phạm sang một hướng khác để hậu quả xảy ra có tính chất nhẹ hơn, hay thành khẩn hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ các cơ quan chức năng sớm hoàn tất việc giải quyết vụ án đúng với bản chất, diễn biến vụ việc. Qua những tình tiết này có thể thấy mức độ nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội chuyển biến dần đáng được ghi nhận trong quá trình xét xử.

b. Hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân tác động, trình độ văn hóa...(gọi tắt là nhân thân) của người phạm tội được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS được công nhận theo Luật hình sự Việt Nam:

Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;

Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;

Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự tay gây ra;

Phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại hoặc gây ra thiệt hại không lớn;

Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;

Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;

Phạm tội do lạc hậu;

Người phạm tội là phụ nữ có thai;

Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;

Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

Người phạm tội là Cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng;

Đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội như sau:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân là những yếu tố có trước khi cá nhân có hành vi phạm tội bao gồm: trình độ văn hóa, phẩm chất, đạo đức, hoàn cảnh gia đình...và nguyên nhân tác động đến hành vi vi phạm pháp luật.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội phải là những tình tiết thuộc về nhân thân của người phạm tội chứ không phải một ai khác. Nhân thân của mỗi con người phản ánh chính con người đó, việc giảm nhẹ TNHS là dành cho chính bản thân họ. Vì vậy, để được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội thì tình tiết đó buộc phải là chính họ, như vậy mới bảo đảm được ý nghĩa giá trị việc giảm nhẹ.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội là căn cứ để giảm nhẹ TNHS cho mỗi cá nhân phạm tội. Qua những tình tiết này có thể thấy, mức độ nguy hiểm cho xã hội của người phạm tội ít hơn những người không có các tình tiết đó. Điển hình một số tình tiết như: Phạm tội do lạc hậu thì đó chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội; ở tình tiết người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác lại thể hiện về mặt bản chất con người họ vốn dĩ ít nguy hiểm cho xã hội. Đây là điều quan trọng đáng được ghi nhận xem xét trong quá trình xét xử.

Tổng hợp các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ hai khía cạnh trên, tác giả xin đưa ra một vài lập luận về đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam:

Tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định cụ thể trong BLHS năm 1999 (Bao gồm 18 tình tiết được quy định tại Khoản 1 Điều 46) và được sửa đổi, bổ sung trong BLHS năm 2015 (bao gồm 22 tình tiết được quy định tại Khoản 1 Điều 51) và các văn bản quy phạm pháp luật.

Tòa án nhân dân các cấp trong quá trình xét xử có thể xem xét, đánh giá, cân nhắc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS và ghi rõ lý do trong nội dung bản án. Bởi đây là một quy định mang tính “mở”. Tòa án được phép áp dụng các tình tiết khác, một tình tiết giảm nhẹ cho dù biểu hiện dưới hình thức nào thì cũng không thể được áp dụng hai lần cho một trường hợp phạm tội cụ thể.

Việc coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS nhằm mở rộng tính linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động xét xử của Tòa án, bảo đảm cho hoạt động xét xử được công bằng, chính xác, khách quan.

Tuy nhiên, thực tiễn có không ít tình tiết được Tòa án xem xét, đánh giá và xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS không thuyết phục và không có cơ sở. Điển hình là trong một vụ án “hiếp dâm”, sau khi thực hiện hành vi tội phạm, bị cáo đã xin lỗi nạn nhân và hứa cưới nạn nhân làm vợ. Việc xin lỗi và hứa hẹn của bị cáo có thực sự được xem là tình tiết giảm nhẹ không trên khía cạnh pháp luật, đánh giá của HĐXX có cơ sở pháp lý hay không. Vì vậy, làm thế nào để có sự chuẩn mực và hạn chế sự tùy tiện của HĐXX. Thước đo chuẩn mực là đạo đức, lương tâm, năng lực, trình độ chuyên môn của những người làm công tác xét xử; vai trò của Tòa án cấp trên; sự giám sát của cơ quan dân cử và của các thiết chế xã hội khác...

Tình tiết giảm nhẹ TNHS được đánh giá là căn cứ để HĐXX cân nhắc, xem xét việc áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Phản ánh diễn biến tâm lý bên trong của người phạm tội là mặt chủ quan, các diễn biến sự việc bên ngoài là mặt khách quan.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS ảnh hưởng rất lớn đến việc quyết định hình phạt. Sự hiện diện của tình tiết giảm nhẹ TNHS là căn cứ để Tòa án đánh giá, xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, coi đó là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Pháp luật không quy định cụ thể sự hiện diện của tình tiết giảm nhẹ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc quyết định hình phạt, sự hiện hữu của tình tiết nào thì được giảm TNHS, điều đó phụ thuộc vào sự xem xét và cân nhắc của Tòa án.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS có thể xác định được các tình tiết được quy định trong Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, Khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 và các tình tiết được quy định tại điểm c, mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP. Ngoài các tình tiết nói trên thì trong quá trình xét xử từng vụ án cụ thể, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có thể hiểu ở một số cấp độ với những vai trò khác nhau, là các tình tiết định tội giảm nhẹ, định khung giảm nhẹ. Đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam được đánh giá là khách quan. Đây chính là cơ sở lý luận để nhận diện một tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS của vụ án.

1.1.2. Ý nghĩa của việc áp dụng đúng đắn các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong xét xử các vụ án hình sự tại Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa rất quan trọng về phương diện xã hội, tính công bằng, tinh thần thượng tôn pháp luật, đảm bảo tính trật tự trong xã hội, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng bản chất của xã hội, tinh thần của dân tộc, nhân cách con người, là cơ sở phát triển đất nước. Phản ánh chính sách pháp luật, tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội trong quá trình xét xử các vụ án cụ thể.

Tùy thuộc vào các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong vụ án được pháp luật quy định, trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc do Tòa án cân nhắc, xem xét quyết định mức độ hình phạt phù hợp, nhằm mang tính răn đe, giáo dục đối với người vi phạm.

Đồng thời, mang đến hi vọng cho người phạm tội như: thành khẩn khai báo; hợp tác với các cơ quan điều tra, xét xử là một tình tiết giảm nhẹ TNHS (Căn cứ theo Điểm s, Khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015), được xem xét khi Tòa án xét xử vụ án, người vi phạm được hưởng mức án thấp hơn, sớm được trở lại làm một người có ích cho cộng đồng, xã hội.

Việc áp dụng đúng đắn các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn huyện Củ Chi mang ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động xét xử trong cả nước nói chung và hoạt động xét xử của Tòa án huyện Củ Chi nói riêng.

Đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật, chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước, tính công bằng, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện Củ Chi.

Đồng thời thể hiện kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật của các Thẩm phán tại TAND huyện Củ Chi được hoàn thiện, nhờ vào chính sách tuyên truyền, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức thường xuyên của Đảng và Nhà nước đưa ra. Tạo cơ hội làm lại cuộc đời cho những người đã có hành vi vi phạm pháp luật.

Giúp giảm thiểu tình trạng bỏ sót, hiểu sai các tình tiết áp dụng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Hạn chế việc đưa ra các bản án thiếu tính công bằng và dẫn đến kết quả bị kháng cáo, kháng nghị làm mất thời gian gây tốn kém cho người dân, ngân sách Nhà nước khi phải giải quyết những bản án kháng cáo, kháng nghị.

Nâng cao ý thức của người dân, hạn chế mức độ nguy hiểm của các hành vi phạm tội, thời gian điều tra, xử lý hồ sơ và hoạt động xét xử. Các vụ án xảy ra sớm được xử lý và hoàn tất không bỏ sót người, sót tội.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

1.2.1. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trước khi có Bộ luật Hình sự năm 2005

Từ “tình tiết” được sử dụng rộng rãi không chỉ trong ngôn ngữ hàng ngày, trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội mà còn được sử dụng rộng rãi cả trong lĩnh vực pháp luật. Khái niệm “tình tiết giảm nhẹ TNHS” chúng tôi nêu trong

bài viết này chỉ bao gồm những tình tiết có ý nghĩa giúp giảm nhẹ TNHS đối với người có hành vi vi phạm pháp luật và bị xét xử là phạm tội.

Trước khi có BLHS năm 2015 được ban hành, pháp luật hình sự Việt Nam đã có những quy định liên quan đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS như:

1.2.1.1. Quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thời kỳ phong kiến

Luật hình sự là ngành luật chiếm ưu thế trong nền pháp luật của đất nước ta, điển hình là các bộ luật như:

Bộ Hình Thư (thời vua Lý Thái Tông);

Bộ Hình luật thư (Thời vua Trần Dụ Tông);

Bộ Quốc triều hình luật (Triều Lê);

Bộ Hoàng Việt luật lệ (Nhà Nguyễn)...

Hầu hết mọi điều khoản trong các bộ luật cổ đều được chế tài về phương diện hình sự. Do vậy, trong các bộ luật cổ này cũng có nhiều quy định về các tình tiết giảm nhẹ tội. Đặc biệt với khía cạnh nhân thân của con người được xem xét làm tiêu chí để giảm nhẹ tội.

Các tình tiết giảm nhẹ tội được quy định chủ yếu tại phần các tội phạm cụ thể.

Đó là do các quy định pháp lý thời kỳ này chủ yếu là mang tính áp dụng trực tiếp, ít được mô hình hóa ở mức khai quát cao như luật hiện đại. Mặt khác, chế tài thời phong kiến thường quy định ở dạng chế tài tuyệt đối, tương ứng với mỗi trường hợp phạm tội, luật quy định mức hình phạt cụ thể. Chính vì vậy, các tình tiết giảm nhẹ tội thường được quy định tại phần các tội phạm chứ rất ít quy định.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS thời kỳ phong kiến Việt Nam khá đa dạng phản ánh chủ yếu đặc điểm về nhân thân người phạm tội căn cứ vào địa vị xã hội, quan hệ gia đình, độ tuổi...

Quy định về những tình tiết giảm nhẹ tội trong pháp luật hình sự phong kiến bị chi phối bởi những quan niệm Nho giáo về những quan hệ rường cột trong xã hội cần được pháp luật bảo vệ, thể hiện ở việc quy định giảm tội cho những người thuộc bát nghị, cho những người có vị trí trong xã hội và gia đình. Đối với những người

thuộc diện bát nghị mà phạm tội có thể bị tử hình, các quan nghị án chỉ được xét tội cho đúng với pháp luật và dâng lên Vua quyết định.

Như vậy, pháp luật thời phong kiến nói chung và các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội nói riêng đã *phản ánh những đặc trưng về “Chính trị”, “ Tư tưởng” của thời kỳ phong kiến*. Mặc dù những quy định đó đến nay đã không còn phù hợp nhưng đó đã là nền móng đầu tiên cho việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS của pháp luật hình sự hiện đại.

1.2.1.2. Quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thời kỳ Pháp thuộc

Pháp luật thời kỳ Pháp thuộc mang tính chất thực dân- phong kiến do xã hội Việt Nam lúc bấy giờ chịu sự bảo hộ của thực dân Pháp. Các bộ luật hình thời kỳ này được xây dựng chủ yếu trên cơ sở tư tưởng pháp lý phương Tây với ba bộ luật hình: Hình luật Bắc phần, Hình luật Trung phần, Hình luật Canh cải.

Những quy định của pháp luật phong kiến mà trái với tư tưởng pháp lý tư sản phương Tây đều bị loại bỏ (chế định Bát nghị, các hình phạt mang tính hà khắc, trách nhiệm tập thể...). Tuy nhiên, các quy định nào thể hiện đặc thù của xã hội Việt Nam mà không trái với tư tưởng pháp lý phương Tây thì vẫn tiếp tục được duy trì (tính nhân đạo, trật tự gia đình...).

Do vậy, một số tình tiết giảm nhẹ TNHS từ thời phong kiến vẫn được duy trì trong giai đoạn này như: tình tiết giảm nhẹ vì có quan hệ gia đình như việc trộm cắp, lừa gạt, sang đoạt giữa vợ chồng hoặc những người có quan hệ gia đình như tôn thuộc, ty thuộc (Điều 380 Hình luật Canh cải; Điều 260 Hình luật Trung phần); Điều 355 Hình luật Bắc phần)...

Các bộ luật hình thời kỳ này về cơ bản cũng gồm hai phần đặc trưng là phần đầu quy định về những vấn đề chung và phần thứ hai quy định về các loại tội phạm cụ thể. Các tình tiết giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội được quy định tại phần chung bao gồm:

Người phạm tội là người già;

Người phạm tội là phụ nữ có thai;

Người phạm tội là trẻ vị thành niên;

Phạm tội trong tình trạng bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi;
Hạnh kiểm tốt.

Một điển tiến bộ hơn so với pháp luật thời phong kiến đó là pháp luật thời kỳ này đã coi hình phạt là công cụ đấu tranh phong chống tội phạm chứ không phải là công cụ trả thù của xã hội. Điều này đã được thể hiện qua việc quy định về một số biện pháp tha miễn và có mức độ giảm nhẹ cao hơn như:

Án treo (biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện trong thời hạn 5 năm trên cơ sở đạo luật Beranger 26/03/1891 của Pháp);

Phóng thích có điều kiện (trên cơ sở Luật về phóng thích có điều kiện của Pháp 14/08/1885);

Miễn chấp hành hình phạt do hết thời hiệu thi hành án.

Có thể thấy những tình tiết giảm nhẹ tại thời kỳ này là nền tảng xây dựng vì có tương tự như các tình tiết giảm nhẹ THNS được quy định trong pháp luật hình sự hiện hành.

Đây là cơ sở quan trọng để các nhà lập pháp kế thừa và phát huy trên nền tảng cũ để xây dựng và hoàn thiện các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội trong thời kỳ pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất cũng như trong những giai đoạn phát triển đất nước sau này.

1.2.1.3. Quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thời kỳ 40 năm trước pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam lần thứ nhất (1945-1985)

Cách mạng Tháng tám chấm dứt sự đô hộ của thực dân Pháp tại Việt Nam, hệ thống pháp luật của thực dân phong kiến bị xóa bỏ, hệ thống pháp luật mới được hình thành.

Pháp luật thời kỳ này tuy đã có một sự khái quát hóa nhất định so với việc quy định các tình tiết giảm nhẹ với từng tội cụ thể, nhưng các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn chưa được đặt tên mà mới chỉ ra những trường hợp đáng được khoan hồng trong một số văn bản cụ thể. Có thể kể đến một số quy định pháp luật hình sự điển hình như:

Sắc lệnh số 33C về việc thiết lập các Tòa án quân sự do Chủ tịch Chính phủ lâm thời ban hành ngày 13/09/1945.

Sắc lệnh số 223 do Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ban hành ngày 27/11/1946.

Sắc lệnh 133/SL do Chủ tịch nước ban hành 20/1/1953.

Sắc lệnh số 151/SL về việc trừng trị địa chủ chống pháp luật trong khi và ở những nơi phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất do Chủ tịch Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ban hành ngày 12/04/1953.

Từ năm 1962, các căn cứ quyết định hình phạt đã được ghi nhận rõ hơn, các cơ quan tiến hành tố tụng đã căn cứ vào cơ sở pháp lý và ý thức pháp luật, quan tâm đến các tình tiết trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, lý lịch nhân thân của người phạm tội, để xem xét các tình tiết là tăng nặng TNHS hay giảm nhẹ TNHS.

Hướng dẫn của báo cáo này là một bước tiến bộ về khoa học luật hình sự và là tiền đề cho việc các căn cứ quyết định hình phạt cũng như việc quy định các tình tiết giảm nhẹ cụ thể hơn tại các văn bản pháp luật sau này.

Chính vì vậy, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định khái quát hơn thành một danh mục và có tên gọi về cơ bản là “ Các trường hợp giảm nhẹ TNHS hoặc miễn hình phạt”.

Điều 23 về những trường hợp xử nhẹ hoặc miễn hình phạt của Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa ngày 21/10/1970; Điều 19 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ngày 21/10/1970.

Mặc dù chưa có văn bản quy phạm pháp luật hình sự nào quy định cụ thể về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Nhưng TAND tối cao đã có những văn bản hướng dẫn quy định việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình xét xử như:

Người phạm tội là người chưa thành niên;

Người phạm tội là phụ nữ có thai;

Trình độ lạc hậu của người phạm tội;

Trình độ nghiệp vụ tay nghề non kém;

Phạm tội nhẹ lần đầu;

Người phạm tội tự thú;

Người phạm tội thành khẩn khai báo;

Người phạm tội lập công chuộc tội hoặc cải tạo tốt;

Người phạm tội là người có quá trình tốt hoặc là người có công;

Hoàn cảnh khó khăn đáng kể hiện nay của bản thân người phạm tội hay gia đình họ;

Gia đình người phạm tội là gia đình tốt, gia đình có công.

Đây chính là nền tảng quan trọng để xây dựng các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hình sự và các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS tại BLHS năm 1985.

1.2.1.4. Quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ sau khi thông qua BLHS Việt Nam đầu tiên cho đến nay

Sau lần pháp điển hóa lần thứ nhất năm 1985, BLHS ra đời thể hiện một sự tiến triển vượt bậc trong lĩnh vực lập pháp. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được quy định cụ thể và được áp dụng chung cho tất cả các hành vi tội phạm. Các tình tiết này được quy định tại Điều 38 BLHS năm 1985 là “Những tình tiết giảm nhẹ”, trong đó có một số tình tiết giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội bao gồm:

Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Khoản d);

Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (Khoản e);

Phạm tội do trình độ lạc hậu hoặc do trình độ nghiệp vụ non kém (Khoản g);

Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm (Khoản h);

Ngoài ra, BLHS năm 1985 cũng đã quy định về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 38 như sau:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi trong bản án (Khoản 2 Điều 38 BLHS 1985);

Trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, HĐXX có thể xem xét, đưa ra quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất hoặc chuyển sang một hình phạt khác

nhẹ hơn. Lý do của việc giảm nhẹ này phải được ghi trong bản án (Khoản 3 Điều 38 BLHS năm 1985).

Về cơ bản, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại BLHS năm 1985 tương đối đầy đủ và giống như quy định tại BLHS năm 1999. Khái quát được quy định chung về các tình tiết giảm nhẹ TNHS là bước tiến trong kỹ năng lập pháp của Bộ máy Nhà nước, mang lại hiệu quả trong việc vận dụng vào thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

BLHS năm 1999 ra đời để phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện xã hội thực tại, dựa trên nền tảng của BLHS năm 1985 và tiếp tục kế thừa phát huy những quy định trong nội dung bộ luật, điều chỉnh sửa đổi, bổ sung các điều luật thuận tiện cho việc áp dụng xét xử. Trong đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng có những sự điều chỉnh nhất định.

Tình tiết *“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”* tại (điểm h Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999), có một số thay đổi như việc loại bỏ tình tiết *“do trình độ nghiệp vụ non kém”* tại (Khoản g Điều 38 BLHS năm 1985) mà chỉ giữ lại tình tiết *“Phạm tội do lạc hậu”* tại (Điểm k Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999).

Điều chỉnh tách tình tiết *“Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”* tại (Khoảng e Điều 38 BLHS năm 1985) thành ba tình tiết mang nội dung ý nghĩa riêng là: *“Người phạm tội là phụ nữ có thai”* tại (Điểm l); *“Người phạm tội là người già”* tại (Điểm m); *“Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”* tại (Điểm n) trong Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Điều chỉnh tách tình tiết *“Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm”* tại (khoản h Điều 38 BLHS 1985) thành ba tình tiết mang nội dung ý nghĩa riêng là: *“Người phạm tội tự thú”* tại (Điểm o); *“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* tại (Điểm p); *“Người phạm tội tích cực giúp đỡ*

các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” tại (Điểm q) trong khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

BLHS 1999 còn quy định thêm hai tình tiết giảm nhẹ TNHS mới là *“Người phạm tội đã lập công chuộc tội”* tại (Điểm r); *“Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”* tại (Điểm s) trong khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Việc tách các tình tiết ra thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta. Trong thực tiễn xét xử, nếu người phạm tội có càng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS thì mức xử phạt mà họ phải chịu càng thấp. Việc thêm hai tình tiết mới cũng là dựa vào thực tiễn xét xử, những trường hợp mà thường xuyên xuất hiện trong thời kỳ đất nước đang xây dựng phát triển, và đáng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Chính vì thế, những sự thay đổi về các tình tiết giảm nhẹ TNHS của BLHS 1999 là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn.

Nhìn chung BLHS năm 1999 cũng như BLHS năm 1985 cùng Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 dành riêng điều luật và hướng dẫn điều luật quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Như vậy, “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS” bao gồm những nội dung trong BLHS năm 1999 quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 46. So với tình hình thực tế trong thực trạng xã hội hiện nay có nhiều tình tiết phát sinh được xem là tình tiết giảm nhẹ thì quy định cũ chưa đầy đủ đã có tới 18 tình tiết, chưa kể trong các điều luật về các tội phạm cụ thể còn quy định nhiều tình tiết định khung hình phạt khác nhau.

Nghiên cứu các tình tiết trong BLHS, đặc biệt các tình tiết quy định tại Điều 46 và Điều 48 BLHS, tác giả tạm đưa ra khái niệm *“Tình tiết hình sự”* như sau: *“Tình tiết hình sự”* là những biểu hiện của tội phạm bao gồm những biểu hiện của hành vi phạm tội, những điều kiện, đặc điểm của người phạm tội, những hoàn cảnh, tình huống, đối tượng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện tội phạm qua đó phản ánh tính nguy hiểm của tội phạm, trách nhiệm hình sự của

người phạm tội phản ánh quan điểm của Nhà nước ta về tội phạm cũng như chính sách hình sự của Nhà nước.

Từ khái niệm về tình tiết hình sự, người dân có thể hiểu được khái quát về ý nghĩa và giá trị của các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định của pháp luật Việt Nam, cùng cơ chế giảm nhẹ TNHS được áp dụng trong quá trình xét xử.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Để quy định và áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, cần thiết phải làm rõ các tiêu chí xác định chúng trên cơ sở làm sáng tỏ cơ chế giảm nhẹ TNHS. Cơ chế giảm nhẹ TNHS được thể hiện thông qua các khía cạnh sau:

Đây là những tình tiết có liên quan đến mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm, đến nhân thân người phạm tội mà sự hiện diện của chúng có ý nghĩa làm giảm đi mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Theo đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS thường là những tình tiết phản ánh mức độ thực hiện tội phạm chưa trọn vẹn do nguyên nhân khách quan hoặc do sự tự nguyện của người phạm tội, tác hại của tội phạm gây ra không lớn hoặc đã được khắc phục, mức độ lỗi do người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế về khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi, là người phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động vì hành vi trái pháp luật của người khác, là người chưa thành niên.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết phản ánh khả năng cải tạo của người phạm tội. Nhân thân người phạm tội là một trong những nhân tố có ảnh hưởng đến mức độ TNHS.

Mặt khác, việc thực hiện tội phạm, ở mức độ nhất định cũng có nguyên nhân xã hội. Những đặc điểm tiêu cực thuộc về người phạm tội được hình thành dưới sự tác động khách quan của môi trường cũng nên được xem là yếu tố có ý nghĩa giảm nhẹ một phần TNHS đối với người phạm tội mới là thỏa đáng. Khi xác định nội dung của chính sách hình sự về tội phạm và TNHS phải được xây dựng trên cơ sở giải quyết một loạt các mối tương quan, trong đó có mối tương quan giữa trách nhiệm của cá nhân người phạm tội với trách nhiệm của xã hội, của Nhà nước.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là các tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng, việc giảm nhẹ TNHS là vì lý do nhân đạo hoặc do không còn yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế hình sự. Thực tiễn cũng cho thấy, việc buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự xuất phát từ yêu cầu bảo vệ lợi ích của xã hội, bảo vệ trật tự kỷ cương pháp luật, là những điều kiện thiết yếu cho sự phát triển lành mạnh của một xã hội.

Với tư cách là một con người trong xã hội, người phạm tội tham gia vào đời sống xã hội với nhiều mối liên hệ khác nhau. Việc áp dụng biện pháp tác động bất lợi về hình sự đối với cá nhân người phạm tội có khả năng kéo theo một số hệ quả tiêu cực nhất định.

Ví dụ, người phạm tội là người lao động duy nhất của gia đình thì việc thụ hình tại trại giam có thể làm phát sinh một số hệ quả tiêu cực khác như gia đình của họ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, không có nguồn sống, con cái chưa thành niên của người phạm tội trở thành trẻ không nơi nương tựa, không có người chăm sóc dạy dỗ.

Trong những trường hợp này, bên cạnh mặt tích cực và cần thiết của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thì khả năng phát sinh những hệ quả tiêu cực khác vẫn có thể xảy ra và cần được tính tới.

Do vậy, vấn đề áp dụng trách nhiệm hình sự, mức độ của nó như thế nào là một bài toán cần lời giải trên cơ sở giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự cần thiết phải áp dụng trách nhiệm hình sự vì lợi ích chung của xã hội và khả năng phát sinh hệ quả tiêu cực khác do việc áp dụng trách nhiệm hình sự.

Mức độ và hình thức trách nhiệm hình sự cần áp dụng phải được lựa chọn sao cho, một mặt phải đạt được mục đích của nó, mặt khác phải hạn chế tối đa khả năng phát sinh những hệ quả tiêu cực. “Vì vậy, khi quy định hình phạt trong khâu lập pháp và nhất là khi Tòa án quyết định hình phạt, cần tính đến để có biện pháp hạn chế đến mức có thể được những hậu quả phụ của hình phạt đối với những người không gây ra hành vi phạm tội nhưng vì lẽ này hay lẽ khác có mối liên hệ với người phạm tội”.

Đây chính là cơ sở mà pháp luật hình sự Việt Nam quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì lý do nhân đạo. Những trường hợp trên được BLHS quy định là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Như vậy, để quy định và áp dụng một tình tiết nào đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần dựa vào một trong các căn cứ: Khả năng làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được thực hiện; Khả năng cải tạo tốt của người phạm tội; Hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.

Do vậy, sự vận động xã hội kéo theo sự biến đổi của các điều kiện này có thể làm thay đổi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Lý luận về cơ chế giảm nhẹ TNHS sẽ là kim chỉ nam cho hoạt động áp dụng pháp luật và hoạt động kiểm tra tính có căn cứ của những phán quyết về TNHS. Cơ chế giảm nhẹ TNHS cho thấy các tình tiết giảm nhẹ TNHS gắn bó mật thiết với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Theo logic đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là phạm trù thay đổi biện chứng trong mối liên hệ với sự vận động của xã hội. Làm rõ cơ chế giảm nhẹ TNHS còn cho phép đánh giá một cách biện chứng giá trị giảm nhẹ TNHS của các tình tiết khi có sự thay đổi về điều kiện xã hội.

1.2.2. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Trước sự phát triển và nhiều thay đổi về đời sống xã hội, nhận thức của người dân ngày càng được nâng cao, các trào lưu sống và giải trí cũng được nâng lên một tầm cao mới... Đồng hành cùng sự phát triển vượt trội đó là vấn đề loại hình tội phạm hình sự cũng tăng nhanh và đa dạng về hình thức, bản chất phạm tội cũng như nguyên nhân phạm tội.

Chính vì những nhu cầu thực tế từ sự phát triển của xã hội, đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần có sự thay đổi, điều chỉnh trong chính sách pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng để phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Quy định về quyết định hình phạt trong BLHS 2015 không bổ sung điều luật mới nhưng tách 10 điều của BLHS cũ ra thành hai mục có mối liên hệ với

nhau. Mục A là những quy định chung về quyết định hình phạt và Mục B là quyết định hình phạt trong trường hợp cụ thể.

Đa số các điều luật trong phần này đều có sự bổ sung, sửa đổi về nội dung so với các điều luật cũ, có 01 điều luật được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong đó có những sửa đổi làm mở rộng phạm vi điều chỉnh của chế định pháp luật cụ thể như:

Tăng số tình tiết giảm nhẹ TNHS, mở rộng quyền quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng...Dưới đây là tổng hợp, so sánh và bình luận khái quát về những quy định mới.

1.2.2.1. So sánh các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015

Điều 46. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (BLHS 1999)

1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả;
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;
- d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- đ) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra;
- e) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;
- g) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
- h) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- i) Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức;
- k) Phạm tội do lạc hậu;
- l) Người phạm tội là phụ nữ có thai;
- m) Người phạm tội là người già;
- n) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

- o) Người phạm tội tự thú;
- p) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;
- q) Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm;
- r) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;
- s) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án.

3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (BLHS 2015)

1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- a) Người phạm tội đã ngăn chặn *hoặc* làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
- b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại *hoặc* khắc phục hậu quả;
- c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;
- d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;
- đ) *Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;*
- e) *Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;*
- g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;
- h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
- i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;
- k) Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức;
- l) *Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;*

- m) Phạm tội do lạc hậu;
- n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;
- o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;*
- p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;*
- q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;
- r) Người phạm tội tự thú;
- s) Người phạm tội thành khẩn khai báo *hoặc* ăn năn hối cải;
- t) Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm;
- u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;
- v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;
- x) Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng.*

2. Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi *đầu thú* hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

Các điểm s, t, x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

- s) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;
- t) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;*
- x) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”.

1.2.2.2. Những điều chỉnh sửa đổi, bổ sung của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định cụ thể trong BLHS năm 1999 (bao gồm 18 tình tiết được quy định tại Khoản 1 Điều 46) và được sửa đổi, bổ sung trong BLHS năm 2015 (bao gồm 22 tình tiết được quy định tại Khoản 1 Điều 51). Điều luật mới bổ sung thêm 04 điểm về tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1.

Trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong một điểm thuộc khoản 1 của Điều 46 (BLHS 1999) đã được hướng dẫn tại mục 8 Phần I của Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/2/1999 của TAND tối cao.

Trong thực tiễn xét xử, có rất nhiều trường hợp HĐXX phân tích rõ bản án có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong một điểm tại khoản 1 Điều 46 như: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” tại (Điểm g); “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” tại (Điểm b).

Trước đây, quan điểm bình luận về nội dung này, ông Đinh Văn Quế – Nguyên Chánh tòa Hình sự, Thẩm phán TAND tối cao xác định: “*sửa chữa, bồi thường và khắc phục hậu quả là ba khái niệm có nội dung khác nhau nên có thể nói điểm b khoản 1 Điều 46 có tới 03 tình tiết giảm nhẹ*”...

Tuy nhiên, vấn đề này không được áp dụng thống nhất trong hệ thống Tòa án. Nhiều địa phương áp dụng phương pháp tách nhiều tình tiết giảm nhẹ trong một điểm nhằm xác định bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS cũ để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo. Nhiều địa phương thì chỉ chấp nhận mỗi điểm tại khoản 1 Điều 46 là 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Quy định mới của Điều 51 BLHS 2015 đã sử dụng từ “*hoặc*” – loại từ biểu hiện quan hệ chọn lựa giữa hai điều được đề cập đến (Từ điển Tiếng Việt) – để phân định rõ các tình tiết trong một điểm:

“*Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” thuộc điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 được đổi thành “*Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” theo khoản 1 Điều 51 BLHS 2015;

“Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” thuộc điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 được đổi thành “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại **hoặc** khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015;

“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” thuộc điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 được đổi thành “Người phạm tội thành khẩn khai báo **hoặc** ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015;

Tuy điều luật mới đã phân định rõ như vậy, nhưng để có thể áp dụng một hay nhiều tình tiết giảm nhẹ trong cùng một điểm của Điều 51 BLHS năm 2015 hay không thì cần phải có hướng dẫn cụ thể của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Riêng cá nhân tác giả cho rằng, khi áp dụng từ “*hoặc*” giữa hai vấn đề, thì quy định của pháp luật đã cho phép người thực thi pháp luật lựa chọn một trong hai vấn đề để giải quyết vụ việc mà không cần phải chờ thỏa mãn cả hai nội dung mới được chọn lựa áp dụng.

Các quy định mới về tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là:

- d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;
- l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;
- p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;
- x) Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng.

Nội dung của các điểm mới này một phần pháp điển hóa từ Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về Phần chung của BLHS năm 1999 và Nghị quyết số 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, một phần quy định bổ sung cho phù hợp với quy định tại một chương mới thuộc phần chung của BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, vấn đề “*rủi ro trong*

ngiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ” – một trong 6 trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự lại không quy định là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (5 trong 6 trường hợp loại trừ TNHS được quy định thành 5 điểm về tình tiết giảm nhẹ TNHS trong khoản 1 Điều 51 BLHS 2015). Rất tiếc vấn đề này cũng không được quan tâm khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2015 trong năm 2017. Do vậy, chắc chắn trong quá trình áp dụng BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 vào thực tiễn sẽ còn bàn luận về vấn đề này.

So với quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, những điểm mới trên đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho đảm bảo tính hợp pháp và phù hợp với tình hình thực tế. Đó là:

Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa lại, **bỏ đi từ “hoặc”** giữa hai nội dung *“thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*, tức là giữ nguyên như quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa lại theo hướng: Chỉ xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS khi người phạm tội tích cực hợp tác (chứ không phải giúp đỡ – BLHS 2015) cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án (không chỉ phát hiện hoặc điều tra tội phạm – BLHS 2015);

Việc áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 đã gặp phải sự không thống nhất do cách hiểu quy định này khác nhau. Có quan điểm cho rằng chỉ có cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ hoặc chính người có công với cách mạng phạm tội mới được áp dụng điểm x; có quan điểm cho rằng là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ, người có công cách mạng phạm tội thì được hưởng điểm x khoản 1 Điều 51. Vương mắc này đã được kịp thời điều chỉnh tại lần sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo đó, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã tách bạch hai nội dung: Hoặc người phạm tội thuộc những người là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ; hoặc người phạm tội là người có công với cách mạng thì được áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51.

Tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm" tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS sự năm 1999 được sửa đổi thành *"người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án"* tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Một số tình tiết giảm nhẹ được quy định ghép trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 đã gây tranh cãi và không thống nhất về nhận thức là một hay nhiều tình tiết giảm nhẹ. Để góp phần khắc phục bất cập này, khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 đã có gắng tách riêng từng tình tiết giảm nhẹ THNS và quy định thành những điểm khác nhau; đối với một số ít tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định chung trong cùng một điểm thì Bộ luật đã sử dụng từ “hoặc” thay cho dấu phẩy (,) trong quy định của BLHS năm 1999 để phân biệt.

Khoản 2 Điều 51 bổ sung thêm tình tiết *"đầu thú"*, Việc bổ sung quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khuyến khích những người phạm tội đang trốn tránh ra đầu thú để được hưởng khoan hồng và giúp Nhà nước tiết kiệm chi phí phục vụ cho việc điều tra, truy nã và sớm kết thúc vụ án.

Ngoài ra, khoản 2 điều luật mới quy định tình tiết *"đầu thú"* là một tình tiết cụ thể bên cạnh các tình tiết khác mà HĐXX khi áp dụng phải phân tích rõ trong bản án. Vấn đề là, dù được quy định cụ thể nhưng tình tiết này không nằm trong khoản 1 của Điều 51 thì giá trị áp dụng của nó chỉ tương đương với “các tình tiết khác” trong thực tế xét xử,

Như vậy, với vị trí đặc biệt quan trọng, quyết định hiệu quả công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm đồng thời liên quan trực tiếp đến những quyền cơ bản nhất của con người, của công dân. BLHS 2015 không chỉ mở rộng phạm vi áp dụng thêm 4 tình tiết đã nêu trên mà còn mở ra thêm tại khoản 2 Điều 51 với cụm từ “Tòa án có thể coi... hoặc các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ”.

Với nguyên tắc nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, trong đó áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ để “khoan hồng với người tự

thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra”, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong BLHS đã thể hiện rõ nguyên tắc tư pháp tiến bộ, nhân đạo của Nhà nước ta trong việc xử lý người phạm tội.

Các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo sẽ mang tính chất quyết định trong việc có cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hay không hoặc có cho bị cáo được hưởng án treo hay hình phạt không cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS là rất quan trọng.

Tiểu kết Chương 1

Trong pháp luận hình sự hiện nay vẫn chưa có khái niệm cụ thể nào diễn đạt về “các tình tiết giảm nhẹ TNHS”. Trên cơ sở khái quát về lịch sử hình thành và phát triển qua từng thời kỳ và một số quan điểm và quy định của BLHS năm 1999, tác giả phân tích đánh giá và phân loại đặc điểm về “các tình tiết giảm nhẹ TNHS”. Từ đó nêu lên ý nghĩa và việc áp dụng “các tình tiết giảm nhẹ TNHS” trong quá trình xét xử các vụ án thực tế tại huyện Củ Chi.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TẠI HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự tại huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế của cả nước, thu hút nhiều công ty lớn đầu tư tạo ra nhiều loại hình đa dạng phong phú. Huyện Cử Chi là một huyện vùng ven của Thành phố Hồ Chí Minh, nằm về phía Tây Bắc thành phố, cách trung tâm thành phố khoảng 60 km, có vị trí địa lý quan trọng, tiếp giáp các tỉnh lân cận như Tây Ninh, Long An, Bình Dương. Trong những năm gần đây, nhờ chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, huyện Cử Chi ngày càng được phát triển ổn định bền vững, đời sống của người dân địa phương được cải thiện, thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến địa bàn để xây dựng mở rộng quy mô nhà máy, xí nghiệp. Từ đó, mật độ dân cư tăng cao, lượng nhân công nhập cư từ các tỉnh tập trung về huyện Cử Chi, dẫn đến việc quản lý dân nhập cư gặp một số bất cập. Từ những vấn đề trên, tình hình tội phạm tại địa bàn huyện Cử Chi cũng có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp, đặc biệt nổi lên là tội phạm ma túy và các tội về chiếm đoạt tài sản.

Các đối tượng tội phạm này thực hiện việc tranh giành địa bàn với tội phạm địa phương rất quyết liệt làm bất ổn tình hình trị an, trật tự, làm ảnh hưởng mạnh đến đời sống của người dân tại các khu dân cư. Hệ quả để lại là sự mất an ninh trật tự, tạo sự hoang mang của người dân trên địa bàn.

Trước thực trạng tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng nhanh chính quyền thành phố nói chung và lãnh đạo huyện Cử Chi nói riêng đã ban hành nhiều chính sách, chỉ đạo các đơn vị, địa phương coi trọng phát huy việc giáo dục, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật trong mỗi gia đình với nhiều hình thức đa dạng như:

Cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành địa phương xây dựng quy chế phối hợp, tổ chức tuyên truyền vận động đến từng hộ gia đình, từng cá nhân.

Phát huy vai trò của những gia đình giàu truyền thống cách mạng để nêu gương, tuyên truyền, vận động, cảm hóa các đối tượng.

Tổ chức tập huấn cho cán bộ cơ sở, sinh hoạt tuyên truyền cho các gia đình tại câu lạc bộ đoàn thể, phát hành tài liệu cấp phát đến hộ gia đình. Theo đó, các cấp chính quyền, lực lượng chức năng tổ chức vận động từng hộ ký cam kết, gia đình không có tội phạm và không có người thân tham gia vào các tệ nạn xã hội.

Trước tình hình tội phạm ngày càng trẻ hóa, sự phối hợp tốt giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục, phòng chống tội phạm trong học sinh, sinh viên là rất cần thiết, kết hợp thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước... bằng những biện pháp, chỉ tiêu cụ thể, qua đó nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Các địa phương thường xuyên rút kinh nghiệm, phát hiện, xây dựng, nhân rộng nhiều mô hình hiệu quả, như “Tổ, hội an toàn”; “Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc”...

Việc áp dụng pháp luật hình sự nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng (Điều 46 BLHS 1999) có ảnh hưởng đến hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh trên địa bàn huyện Củ Chi thể hiện qua các số liệu, tác giả trình bày và phân tích về nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS và mức độ ảnh hưởng theo BLHS năm 1999.

Bảng 2.1 Số liệu xét xử các vụ án hình sự của Tòa Án nhân dân huyện Củ Chi từ năm 2013 đến năm 2017

Năm	số vụ án thụ lý	số vụ án xét xử	số vụ án chưa giải quyết
2013	278	276	02
2014	296	294	02
2015	354	351	03
2016	321	321	0
2017	230	229	01
Tổng cộng	1479	1471	08

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Tòa án Nhân dân huyện Củ Chi từ năm 2013 đến năm 2017

Trong phần phân tích nội dung của từng tình tiết giảm nhẹ TNHS, tác giả đặc biệt tập trung vào việc lý giải cơ sở giảm nhẹ TNHS của mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS và thực tiễn áp dụng:

“Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm” tại (điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Ngăn chặn tác hại của tội phạm là khi người có hành vi phạm tội đang trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội hoặc sau khi hành vi phạm tội đó đã được thực hiện, người phạm tội tự mình nhận thức được hoặc có sự tác động khách quan nên bằng những khả năng có thể để ngăn chặn hành vi phạm tội, không để cho hậu quả từ tác hại của hành vi phạm tội xảy ra.

Làm giảm bớt tác hại của tội phạm là khi người có hành vi phạm tội đang trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội hoặc sau khi hành vi phạm tội đó đã được thực hiện, người phạm tội tự mình nhận thức được hoặc có sự tác động khách quan nên bằng những khả năng có thể để giảm bớt tác hại của hành vi phạm tội, không để cho hậu quả từ tác hại của hành vi phạm tội xảy ra ở mức độ lớn nhất.

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội, nếu không có lý do tác động nào khác vào hành vi phạm tội thì tác hại xảy ra đúng với bản chất của hành vi. Nhưng vì tác động nào đó, người có hành vi phạm tội đã tự chủ động ngăn chặn không để cho hành vi phạm tội đúng như bản chất ban đầu xảy ra hoặc làm hạn chế mức độ tác hại của bản chất hành vi phạm tội. Việc tác động nhằm ngăn chặn hay hạn chế bản chất hành vi phạm tội này đã làm giảm bớt mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Việc làm giảm bớt mức độ nguy hiểm này có thể thực hiện trong quá trình diễn biến hành vi phạm tội hay ngay cả khi hành vi phạm tội đã được thực hiện.

Việc người có hành vi phạm tội tự chủ động ngăn chặn làm giảm bớt tác hại, mức độ nguy hiểm phải xảy ra thực tế trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, tình tiết này mới được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Thiệt hại và tác hại không phải bao giờ cũng là một, có sự tác hại là thiệt hại cụ thể có thể xác định được như tính mạng, sức khỏe, tài sản... nhưng có sự tác hại

không phải là thiệt hại có thể đánh giá cụ thể được như ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội,...

Để xác định một tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS, dưới góc độ của nhà làm luật và người thực thi pháp luật cụ thể là HĐXX phải xem xét rõ hành vi đã tác động đến việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của hành vi phạm tội.

Người có hành vi phạm tội tự chủ động ngăn chặn hay có tác động làm giảm bớt tác hại của bản chất hành vi phạm tội. Điều đó có thể tự xuất phát từ trong nhận thức của bản thân người có hành vi phạm tội hoặc có người nào đó đã tác động đến nhận thức của người có hành vi phạm tội.

Trường hợp người có hành vi phạm tội nhận thức được mức độ nguy hiểm và tác hại của bản chất hành vi phạm tội và nhờ vả hay yêu cầu người khác cùng tác động để ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của hành vi phạm tội tình tiết này vẫn được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Căn cứ theo quy định trong pháp luật hình sự, có quy định cụ thể về tình tiết này là hành vi “đã ngăn chặn, làm giảm bớt”, không yêu cầu người có hành vi phạm tội phải “tự ngăn chặn, làm giảm bớt”. Nên việc xem xét, đánh giá giá trị tình tiết này không có sự khác biệt vào hành vi tự chủ động ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại của người có hành vi phạm tội hay có sự tác động của người nào đó để ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại.

Trong vụ án có đồng phạm nếu người đồng phạm can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản mà người thực hiện tội phạm nghe theo thì cả hai đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Nếu hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản, mặc dù người thực hiện tội phạm không nghe nhưng hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản có tác dụng làm cho tác hại được giảm bớt thì người có hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này.

Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào kết quả ngăn chặn, hạn chế được tác hại của tội phạm và thái độ chủ quan của người phạm tội đối với

việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, hậu quả để lại được xác định thấp hơn so với hậu quả khi không có sự ngăn chặn làm giảm bớt hành vi phạm tội.

“Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” tại (điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người phạm tội phải tự nguyện (không do ép buộc, cưỡng chế) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Cũng được coi là tự nguyện nếu do người khác tác động (khuyến bảo) hay theo yêu cầu của người bị thiệt hại mà người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Sửa chữa là tác động đến vật thể bị hư hỏng có thể trở lại tình trạng gần như ban đầu gồm khả năng sử dụng và tính thẩm mỹ do chịu tác động của hành vi phạm tội gây ra.

Bồi thường là dùng tiền bạc hay tài sản để khắc phục cho những thiệt hại chịu tác động do chính hành vi phạm tội gây ra. Khắc phục hậu quả là khắc phục tác hại của hành vi phạm tội gây ra mà không thể sửa chữa và bồi thường bằng tài sản được.

Bất kỳ hành vi phạm tội nào cũng gây tác hại về vật chất hay tinh thần cho người bị tác động của hành vi phạm tội đó, để lại cho xã hội nhiều hệ quả nặng nề khó giải quyết. Các thiệt hại có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản...

Căn cứ theo quy định của pháp luật, người có hành vi phạm tội gây thiệt hại cho người khác sẽ bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền yêu cầu phải sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, để buộc người phạm tội bồi thường cần một quá trình tố tụng mà thiệt hại cần được khắc phục, sửa chữa kịp thời.

Vì vậy, người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả sớm thì không chỉ cần thiết cho việc khôi phục sự bình thường của các quan hệ xã hội bị tội phạm xâm hại mà còn thể hiện thái độ của người phạm tội đã nhận thức được hành vi sai lầm của mình, mong muốn sửa chữa, khắc phục hậu quả.

Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là trường hợp người phạm tội đã tự mình hoặc tác động đến người thân của mình tìm mọi cách đền bù, khắc phục các thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra như: sửa chữa tài sản bị hư hỏng, trả lại tài sản đã chiếm đoạt, bồi thường các khoản tổn phí về thuốc men, viện phí...

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS, cả 3 tình tiết “sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả” về bản chất có nhiều điểm tương đồng gần giống nhau nên được quy định trong cùng một điểm.

Trong thực tế khi áp dụng 3 tình tiết này, chúng ta phải lưu ý nếu người có hành vi phạm tội chỉ đồng ý tự nguyện sửa chữa những vật chất bị thiệt hại mà không đồng ý việc bồi thường hay không đồng ý khắc phục hậu quả. Trường hợp này chỉ được xác định là tự nguyện sửa chữa thiệt hại. Trường hợp người có hành vi phạm tội vừa đồng ý tự nguyện sửa chữa, vừa đồng ý tự nguyện bồi thường, vừa đồng ý tự nguyện khắc phục hậu quả do tác động của hành vi phạm tội, cần xem xét có cả ba tình tiết giảm nhẹ TNHS nếu hành vi phạm tội chỉ mang tính chất xâm phạm trực tiếp đến một khách thể và không để lại hậu quả nghiêm trọng.

Người có hành vi phạm tội muốn được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS này, phải tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội. Trường hợp do người khác tác động khuyến bảo mà người có hành vi phạm tội thực hiện hành vi sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Trường hợp người có hành vi phạm tội đang bị giam giữ không tự mình thực hiện hành vi sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tác động của hành vi phạm tội được mà có sự tác động đến gia đình, người thân thực hiện việc bồi thường thay cho mình.

Trường hợp do tác động của cơ quan pháp luật (ép buộc, cưỡng chế) người có hành vi phạm tội mới thực hiện hành vi sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả thì không được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc áp dụng 3 tình tiết giảm nhẹ này, cụ thể như sau:

Bị cáo là người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 15 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

Bị cáo là người từ đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nếu bị cáo không có tài sản;

Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận, nếu số tiền, tài sản đó đã được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quản lý để thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên xuất trình được chứng cứ chứng minh là họ đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận và họ đã đem số tiền, tài sản đó về nhà cất giữ để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường khi có yêu cầu;

Bị cáo không có tài sản để bồi thường nhưng đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác (vợ, chồng, con, anh, chị, em, bạn bè...) sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

Bị cáo không có trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (ví dụ việc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ) nhưng đã tự nguyện dùng tiền, tài sản của mình để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ, hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (nếu bị cáo không có tài sản để bồi thường) và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Như vậy, trường hợp người chưa thành niên phạm tội mà người đại diện hợp pháp tự nguyện thực hiện thay việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, tình tiết sẽ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội khi xét xử.

Hành vi tự nguyện, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả phải được thực hiện và đã hoàn tất trước khi vụ án được xét xử. Hành vi tự nguyện, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả phải được thực hiện và đã hoàn tất ở thẩm quyền cấp xét xử nào thì cơ quan xét xử có thẩm quyền ở cấp đó mới được áp dụng.

Cơ sở pháp lý để xem xét tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá trên việc người có hành vi phạm tội tự nhận thức tự nguyện thực hiện hay do tác động của người khác dẫn đến người có hành vi phạm tội đồng ý thực hiện và mức độ sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả đối với những thiệt hại do chính tác động của hành vi phạm tội gây ra. Hoặc do người khác tự nguyện thực hiện thay việc sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả những thiệt hại do chính tác động của người có hành vi phạm tội gây ra.

“Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” tại (điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Trường hợp người có hành vi phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là thực hiện hành vi phản kháng, chống trả lại từ tác động của một hành vi nào đó trực tiếp ảnh hưởng đến bản thân hoặc người thân của người có hành vi phòng vệ. Nhưng việc phòng vệ này vượt quá mức độ cho phép, hay hành động phòng vệ này vượt quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất sự việc. Đồng thời hành động phòng vệ này đã xâm hại đến lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và gây nguy hiểm cho xã hội.

Người có hành vi phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, là người đang trực tiếp chịu tác động của hành vi khác hay đang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Đảng và Nhà nước, cá nhân, tổ chức khác.

Người bị hại là người có hành vi xâm hại tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có hành vi phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, của Đảng và Nhà nước, cá nhân, tổ chức khác.

Trường hợp người bị hại chưa thực hiện hành vi xâm phạm hoặc đã thực hiện xong hành vi xâm phạm, mà người có hành vi phòng vệ mới thực hiện hành vi phòng vệ thì trường hợp này không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng.

Trường hợp người bị hại thực hiện hành vi xâm phạm nhưng tính chất và mức độ không nguy hiểm hay không đáng kể đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có hành vi phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, của Đảng và Nhà nước, cá nhân, tổ chức khác, thì việc phản kháng, chống trả trong trường hợp này không được coi là phòng vệ.

Mức độ thiệt hại mà người bị hại gây ra từ hành vi xâm phạm ảnh hưởng dưới nhiều dạng như: (tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tinh thần, vật chất, ...). Nhưng thiệt hại từ hành vi của người phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng gây ra là tính mạng, sức khỏe và tài sản của người có hành vi xâm phạm.

Hành vi chống trả của người phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi rõ ràng vượt quá mức cần thiết. Bản chất của hành vi này không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi xâm hại của người bị hại.

Để đánh giá hành vi của người phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, có phải là hành vi chống trả vượt quá mức cần thiết phải căn cứ vào tính chất và mức độ từ hành vi xâm phạm của người bị hại, không gian, thời gian, địa điểm nơi xảy ra sự việc và phân tích đánh giá các yếu tố khách quan, chủ quan, mối quan hệ giữa các bên có liên quan...

Động cơ của người có hành vi phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có phải là để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Đảng và Nhà nước, của bản thân, cá nhân, tổ chức khác không.

Mặt khác người có hành vi phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng không có ý thức, mục đích phạm tội trong quá trình phòng vệ. Điều kiện khách quan, chủ quan, thời gian, địa điểm không có để giữ bình tĩnh, suy nghĩ sáng suốt để

lựa chọn, đưa ra phương pháp giải quyết tốt nhất, hay lựa chọn phương tiện phòng vệ thích hợp.

Thời gian là yếu tố mang tính quyết định, với một người chưa được đào tạo, chưa từng gặp trường hợp nào tương tự thì sẽ không có kinh nghiệm để đánh giá và giải pháp xử lý đúng tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi xâm phạm của người bị hại, đặc biệt trong những trường hợp bị bất ngờ. Từ góc độ phân tích và đánh giá của cơ quan lập pháp xem xét tình tiết vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt về mức độ nguy hiểm của hành vi tội phạm.

Cơ sở xem xét, đánh giá tình tiết này phụ thuộc bản chất hành vi vào mức độ vượt quá giới hạn cho phép của hành vi phòng vệ. Tình tiết phạm tội vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được các nhà chuyên môn và cơ quan xét xử đánh giá là có ảnh hưởng lớn đến quyết định xét xử.

“Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết” tại (điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là người có hành vi phạm tội bị tác động từ một tình huống nguy cấp nào đó, vì muốn ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại hay tránh nguy cơ đang thực tế đe dọa ngay tức khắc đến các quyền, lợi ích hợp pháp của Đảng và Nhà nước, của bản thân, cá nhân, tổ chức khác mà không có sự lựa chọn nào khác là phải thực hiện hành vi phạm tội gây ra thiệt hại để tránh thiệt hại sắp xảy ra, nhưng bản chất và mức độ thiệt hại gây ra vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Trường hợp trong tình thế cấp thiết gây thiệt hại nhưng không bị xem là vượt quá giới hạn và không phải chịu trách nhiệm hình sự khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Trong tình huống nguy hiểm đang bị đe dọa, hậu quả thiệt hại cao và ngay thời điểm sự việc diễn ra. Trường hợp sự việc chưa xảy ra hay đã kết thúc mới thực hiện hành vi gây thiệt hại thì hành vi này không được xem là vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Tình huống nguy hiểm phải mang tính trực tiếp và thực tế xảy ra, nếu không trực tiếp và thực tế không mang tính nguy hiểm cấp thiết gây ảnh hưởng đến tính

mạng, sức khỏe, tài sản, an ninh quốc gia..., mà chỉ theo sự phỏng đoán hay suy nghĩ của riêng cá nhân người thực hiện hành vi thì không được xem là vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Hành vi gây ra một thiệt hại mới để giảm tránh mỗi nguy hại của mỗi nguy hại ban đầu là tình thế bắt buộc không có sự lựa chọn nào khác tốt hơn để giải quyết sự việc phải đáp ứng được điều kiện: Thiệt hại mới phải có giá trị thấp hơn thiệt hại đang diễn ra, ý nghĩa của hành vi gây thiệt hại mới là xử lý những nguy hiểm sắp diễn ra, nếu không dùng biện pháp này thì không còn giải pháp nào để giải quyết và hậu quả xảy ra vô cùng to lớn.

Cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào cường độ của nguồn nguy hiểm và mức độ thiệt hại trên thực tế. Mục đích của người thực hiện hành vi, mối quan hệ giữa các bên liên quan.

“ Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra ” tại (điểm đ khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra. Hành vi trái pháp luật do người bị hại hoặc người khác gây ra không nhất thiết phải là hành vi vi phạm pháp luật có tính chất nghiêm trọng. Mối quan hệ giữa người bị hại và người khác gây ra kích động cho người có hành vi phạm tội phải có liên quan đến nhau.

Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra phải mang tính trực tiếp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân hay người thân của người có hành vi phạm tội.

Tình tiết này được xem xét, đánh giá khi là tình tiết giảm nhẹ TNHS khi đáp ứng đủ các điều kiện: Có tác động từ hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra. Hành vi trái pháp luật đó trực tiếp tác động làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân hay người thân của người có hành vi phạm tội.

Trường hợp người có hành vi phạm tội vì bị kích động về tinh thần là tâm lý của người này đang bị tác động mạnh và khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

bị giảm sút không còn đủ lý trí để suy nghĩ trước khi thực hiện hành vi, đặc biệt là do sự tác động của ngoại cảnh diễn ra quá nhanh và được đưa lên cao trào, không có đủ thời gian để kiểm soát suy nghĩ và hành động. Người có hành vi phạm tội hành động phạm tội trong tình trạng không làm chủ được bản thân, lý trí và cảm xúc đang bị kích động từ hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác, dẫn đến sự hạn chế nhận thức và mất khả năng kiểm soát, điều khiển hành vi nên thực hiện hành vi phạm tội.

Người có hành vi phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra khi có đủ các điều kiện sau:

Trạng thái tinh thần đang trong tình trạng bị kích động do chịu tác động trực tiếp từ hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra;

Có hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra và có tác động trực tiếp làm kích động tinh thần của người có hành vi phạm tội;

Tác động từ hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra không chỉ giới hạn trong phạm vi tác động trực tiếp bản thân người có hành vi phạm tội, mà còn được mở rộng phạm vi tác động đối với những người có quan hệ huyết thống, người có quan hệ thân thiết với người có hành vi phạm tội.

Tác động từ hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra tình trạng bị kích động về tinh thần là nguyên nhân chính làm cho người bị kích động thực hiện hành vi phạm tội.

Trường hợp hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra tác động đến người khác không có liên quan bất kỳ đến người có hành vi phạm tội. Người có hành vi phạm tội trong trường hợp này không được xem là phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra. Pháp luật không công nhận việc người có hành vi phạm tội vì bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra cho cá nhân, tổ chức không có mối quan hệ thân thiết với người có hành vi phạm tội.

Cơ sở để xem xét giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào tính chất và mức độ tác động từ hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra, dẫn tới mức độ bị kích động và tâm lý, phản ứng của người bị kích động và bản chất hành vi phạm tội.

“Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” tại (điểm e khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra, vì điều kiện khách quan chi phối dẫn đến việc phạm tội và bản chất của hành vi phạm tội không phải do chủ đích của người thực hiện hành vi phạm tội.

Có thể do hoàn cảnh khó khăn nhất thời đưa tâm lý người đó vào sự quẫn bách không thể suy nghĩ và có hướng giải quyết tốt nhất, dẫn đến nhất thời thực hiện hành vi phạm tội để giải quyết khó khăn trước mắt.

Hoàn cảnh đặc biệt khó khăn xuất phát từ điều kiện tự nhiên như thiên tai, lũ lụt, hạn hán,... từ hậu quả của chiến tranh để lại... Đây không phải lỗi của người có hành vi phạm tội tự tạo ra.

Trường hợp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do chính bản thân người có hành vi phạm tội tạo ra thì trong trường hợp này người có hành vi phạm tội không được xem xét là “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra”.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội không phải từ thực tế do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và muốn vượt qua tình trạng khó khăn thì người có hành vi phạm tội cũng không được xem xét là “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra”.

Điều kiện xác định tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” là tình tiết giảm nhẹ TNHS, cần xem xét cụ thể hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của người phạm tội và mức độ ảnh hưởng trực tiếp đến bản chất hành vi phạm tội

Trường hợp xem xét và áp dụng tình tiết này đối với những người có hành vi phạm tội do cố ý. Trường hợp người có hành vi phạm tội do vô ý vì các tội phạm do vô ý không có mục đích phạm tội không được áp dụng.

Cơ sở xem xét giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào mức độ hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà người có hành vi phạm tội phải chịu và nỗ lực cố gắng tìm cách vượt qua khó khăn của người có hành vi phạm tội, mức độ hoàn cảnh khó khăn càng lớn thì mức độ xem xét giảm nhẹ TNHS càng cao.

“Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” tại (điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng hậu quả do hành vi phạm tội tác động chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Hành vi phạm tội đã xảy ra nhưng do tác động xung quanh, điều kiện khách quan đã ngăn chặn làm cho mức độ thiệt hại thấp và không như chủ đích của người thực hiện hành vi phạm tội.

Trường hợp này người có hành vi phạm tội có chủ đích và không có nhận thức tự ngăn chặn, làm giảm bớt mức độ thiệt hại. Nhưng vì lý do khách quan đã tác động làm cho hành vi phạm tội bị ngăn chặn hay giảm bớt mức độ làm ảnh hưởng đến mức thiệt hại xảy ra.

Điều kiện để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này là hành vi phạm tội của người phạm tội, lý lịch nhân thân của người phạm tội, tính chất và mức độ thiệt hại xảy ra.

Do việc hạn chế về mức độ thiệt hại đến từ tác động của các nguyên nhân khách quan, các nhà chuyên môn và cơ quan xét xử đều nhận định đánh giá về bản chất của tình tiết giảm nhẹ TNHS này chỉ ở mức nhất định không có giá trị cao.

Cơ sở để xem xét giảm nhẹ TNHS phụ thuộc từ chính mức độ thiệt hại do tác động của hành vi phạm tội gây ra, kết hợp với yếu tố nhân thân của người có hành vi phạm tội để xem xét đối tượng có được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS hay không.

“Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” tại (điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội lần đầu là chưa chịu bất kỳ trường hợp quản lý giáo dục nào tại địa phương, có lý lịch nhân thân tốt. Hành vi phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là xem xét từ bản chất của hành vi phạm tội, hậu quả tác động của hành vi phạm tội không ở mức nghiêm trọng, không làm tổn thất nhiều về sức khỏe, tinh thần, tài sản của người bị hại.

Điều kiện để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này cần phải đáp ứng đủ hai điều kiện là “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Nếu không đáp ứng đủ 1 trong 2 điều kiện trên thì người có hành vi phạm tội không được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Để xác định hành vi phạm tội lần đầu, dưới góc nhìn của các nhà chuyên môn và cơ quan xét xử nhận định “Phạm tội lần đầu” là trong lý lịch nhân thân của người đó chưa từng chịu bất kỳ bản án quyết định nào của tòa án tuyên phạm tội, chưa từng chịu bất kỳ hình thức quản lý giáo dục tại địa phương hay chưa từng phải đi cơ sở cải tạo giáo dục bệnh nghề nghiệp...

Trường hợp người đã từng phạm tội và đã được xóa án tích và tiếp tục có hành vi phạm tội thì không được xem là phạm tội lần đầu.

Trường hợp người đã từng có hành vi phạm tội nhưng chưa bị kết án do hết thời hiệu truy cứu TNHS, có hành vi phạm tội và bị truy cứu TNHS thì không được xem là hành vi phạm tội lần đầu.

Ngoài ra, căn cứ theo lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội lần đầu để xem xét áp dụng. Thể hiện tính nhân đạo của pháp luật với những người chưa bao giờ thực hiện hành vi phạm tội, vì nguyên nhân khách quan hay do hoàn cảnh tác động nên phạm tội lần đầu.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội lần đầu phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng mới được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Theo quy định của pháp luật về trường hợp ít nghiêm trọng theo Khoản 3 Điều 8 BLHS 1999. Trường hợp ít nghiêm trọng còn được hiểu là hậu quả chịu tác động từ hành vi phạm tội thấp, bản chất của hành vi phạm tội không cao chỉ mang tính chất như đồng phạm hay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Cơ sở xem xét đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào bản chất của hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả thiệt hại từ hành vi phạm tội, lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội.

“Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức” tại (điểm i khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Đe dọa là dọa nạt, là tạo ra nỗi lo sợ về một tai họa có thể xảy ra.

Cưỡng bức là dùng sức mạnh uy hiếp tinh thần người khác để bắt buộc họ phải làm dù không muốn cũng không được.

Người có hành vi phạm tội vì chịu tác động từ người khác đe dọa, cưỡng bức như uy hiếp về mặt vật chất, tinh thần, dùng vũ lực. Hành vi đe dọa, cưỡng bức này tác động trực tiếp đến bản thân hay người thân của người có hành vi phạm tội.

Hành vi đe dọa phải xảy ra trong thực tế và có thể trở thành hiện thực. Hành vi cưỡng bức đã xảy ra hay đang diễn ra tác động trực tiếp khiến cho người bị cưỡng bức có phản ứng bằng hành động dẫn đến hành vi phạm tội.

Hành vi cưỡng bức và hành vi đe dọa có bản chất khác nhau, tính chất và mức độ cũng khác nhau. Nhưng cả 2 hành vi đều có tác động làm người khác lo sợ, tinh thần, tâm lý bị kích động mạnh dễ dẫn đến việc phản kháng tiêu cực trong suy nghĩ hay hành vi phạm tội để giải thoát khỏi những áp bức từ hành vi cưỡng bức, đe dọa.

Căn cứ theo khoa học luật hình nhận định hành vi đe dọa giống như hành vi cưỡng bức về mặt tinh thần. Bản chất thực sự của hành vi đe dọa là một hành vi cưỡng bức, có mức độ tác động nhẹ chỉ tạo cảm giác lo sợ ít bị ảnh hưởng hơn so với hành vi cưỡng bức về mặt thân thể, vật chất.

Hành vi đe dọa, cưỡng bức về tinh thần nhằm uy hiếp đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, lợi ích... của bản thân hay thân nhân người bị đe dọa, ép buộc người bị đe dọa thực hiện một hành vi phạm tội gây tác động trực tiếp đến người đe dọa hay quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác hoặc gây nguy hiểm cho xã hội.

Người bị đe dọa, cưỡng bức về mặt tinh thần thực hiện hành vi phạm tội được pháp luật công nhận là tình tiết giảm nhẹ TNHS khi vụ việc được cơ quan xét xử giải quyết sự việc.

Hành vi cưỡng bức về thân thể là hành vi sử dụng bạo lực tác động lên thân thể gây thương tích như đánh đập, giam giữ,... khiến người bị cưỡng bức bị hành hạ về thân thể và khủng hoảng về tinh thần.

Người bị cưỡng bức về thân thể khi có hành vi phản kháng vượt quá mức cần thiết có thể được xem xét không chịu trách nhiệm hình sự vì hành vi của mình. Người có hành vi cưỡng bức hoàn toàn chịu TNHS về hành vi do mình gây ra khiến cho người bị cưỡng bức phản kháng thực hiện hành vi phạm tội tác động trực tiếp đến người có hành vi cưỡng bức.

Trường hợp người bị cưỡng bức bị tác động làm mất hết lý trí, không kiểm soát được hành vi của bản thân, bị ép buộc làm theo chỉ đạo của người có hành vi cưỡng bức có thể được xem xét không phải chịu trách nhiệm hình sự tùy theo tính chất, mức độ của hành vi bản thân mình gây ra.

Do hành vi phạm tội bị ép buộc, cưỡng bức đe dọa phải thực hiện, nên tính chất và mức độ nguy hiểm thấp hơn so với các hành vi phạm tội khác.

Trường hợp người bị cưỡng bức thực hiện hành vi phạm tội gây ra hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự vì hành vi của mình, nhưng được xem xét phạm tội vì bị cưỡng bức là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Trường hợp người bị cưỡng bức là người được Nhà nước giao trách nhiệm và nghĩa vụ phải bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của người dân thực hiện hành vi phạm tội phải chịu TNHS, dù phải chịu cưỡng bức ở bất kỳ mức độ nào. Vì đây là nhiệm vụ và trách nhiệm mà Nhà nước đã trao cho họ.

Cơ sở xem xét, đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi đe dọa, cưỡng bức. Bản chất của hành vi phạm tội, hậu quả từ hành vi phạm tội. Các mối tương quan về hoàn cảnh, điều kiện, nguyên nhân khách quan và chủ quan của hành vi phạm tội.

“Phạm tội do lạc hậu” tại (điểm k khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)

Môi trường sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, biển đảo, miền núi,...không có điều Người có hành vi phạm tội do lạc hậu, từ nguyên nhân khách quan do hoàn cảnh khó khăn, kiện học tập, tiếp xúc với xã hội xung quanh. Nguyên nhân chủ quan là nhận thức thấp, hạn chế khả năng nhận thức về các tác hại mang tính nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của bản thân.

Người có hành vi phạm tội do lạc hậu xuất phát từ đời sống sinh hoạt còn mang đậm tính phong tục, tập quán và tín ngưỡng theo quan điểm mê tín, dị đoan. Trình độ hiểu biết thấp, ít quan tâm đến quy định pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước đề ra. Hành động theo cảm xúc tự nhiên, không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Vì không hiểu biết pháp luật nên khi thực hiện hành vi không nhận thức được là hành vi của bản thân là đúng với quy định pháp không, dẫn đến hành vi phạm tội.

Nguyên nhân khách quan và chủ quan phải ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức lạc hậu của người có hành vi phạm tội. Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội phải ở mức không nghiêm trọng, hậu quả từ tác động của hành vi phạm tội không cao.

Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách đưa nền văn minh, tiên bộ kỹ thuật tiếp cận người dân sống ở những nơi có điều kiện khó khăn, để người dân nơi đây được học cái chữ, con số, biết cách sử dụng các phương tiện kỹ thuật áp dụng vào đời sống, có cơ hội tiếp cận với xã hội, những đổi mới trong tập quán sinh hoạt, tín ngưỡng, đặc biệt là nhận thức về pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước. Xóa bỏ đi những tập tục cổ hủ, lạc hậu, mê tín, dị đoan dẫn đến hành vi phạm tội vì lạc hậu.

Điều kiện để xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS cần căn cứ vào lý lịch nhân thân, hoàn cảnh, điều kiện, nhận thức của người có hành vi phạm tội khi xảy ra sự việc. Bản chất của hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả từ hành vi phạm tội.

Trường hợp người có hành vi phạm tội nghiêm trọng liên quan đến tính mạng, an ninh quốc gia, má túy,...không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Vì những hành vi đó đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, phổ biến đến từng bản làng, thôn xóm, từng hộ gia đình về tác hại và hậu quả của những hành vi phạm tội đó.

Cơ sở xem xét đánh giá giảm nhẹ TNHS tùy thuộc vào hoàn cảnh, điều kiện sinh sống, phong tục tập quán của địa phương..., mức độ nhận thức của người có hành vi phạm tội. Bản chất của hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả từ tác động của hành vi phạm tội.

“Người phạm tội là người phụ nữ có thai” tại (điểm 1 khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội là phụ nữ đang trong thời kỳ mang thai, nguyên nhân khách quan dẫn đến hành vi phạm tội là trong giai đoạn đang mang thai, tâm sinh lý của người phụ nữ có nhiều thay đổi, dễ bị kích động trước những tác động xung quanh, khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi của bản thân bị suy giảm.

Điều kiện để xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS phải là người phụ nữ đang mang thai có hành vi phạm tội chịu sự tác động từ bên ngoài dẫn đến bị kích động về tâm lý, mất khả năng kiểm soát nhận thức và hành vi của bản thân. Bản chất của hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả từ tác động của hành vi phạm tội.

Pháp luật Việt Nam quy định cụ thể riêng đối với người có hành vi phạm tội là phụ nữ đang mang thai. Căn cứ theo Điều 35 BLHS 1999 quy định không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ đang mang thai hay phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Đây là chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Người có hành vi phạm tội là phụ nữ đang trong thời kỳ mang thai được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS, mức hình phạt áp dụng đối với phụ nữ đang trong thời kỳ mang thai phải thấp hơn so với các người khác có cùng hành vi phạm tội.

Trường hợp người phụ nữ có hành vi phạm tội vào thời điểm chưa mang thai, sau khi đã thực hiện hành vi phạm tội mới mang thai sẽ không được xem xét áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Căn cứ xác định người phụ nữ đang mang thai khi thực hiện hành vi phạm tội phải dựa trên kết luận giám định của cơ quan có thẩm quyền.

Cơ sở xem xét đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào thời kỳ mang thai của người phụ nữ có hành vi phạm tội, ảnh hưởng từ tình trạng thai nhi, nguyên nhân khách quan từ xung quanh tác động đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

“Người phạm tội là người già” tại (điểm m khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội là người già, nguyên nhân khách quan dẫn đến hành vi phạm tội là tuổi cao, lý trí và nhận thức bị giảm sút, khả năng kiểm soát hành vi thấp, hay mắc bệnh ở dạng hoang tưởng dẫn đến hành vi phạm tội.

Điều kiện để xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS phải là người già có hành vi phạm tội chịu sự tác động từ nguyên nhân khách quan hay từ bên ngoài dẫn đến bị kích động về tâm lý, mất khả năng kiểm soát nhận thức và hành vi của bản thân. Bản chất của hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả từ tác động của hành vi phạm tội.

Pháp luật Việt Nam quy định cụ thể về người được xem là già có độ tuổi từ 70 tuổi trở lên căn cứ theo BLHS 2015. Đây là điểm mới trong chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Người có hành vi phạm tội là người già được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS, mức hình phạt áp dụng đối với người già phải thấp hơn so với các đối tượng khác có cùng hành vi phạm tội. Không phân biệt bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả chịu tác động của hành vi phạm tội.

Thực tế trong cuộc sống xã hội và thực tiễn xét xử hầu hết những người già có hành vi phạm tội không phải vì bị tác động từ yếu tố tuổi cao hay mắc bệnh hoang tưởng mà có hành vi phạm tội. Họ thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái rất minh mẫn, khỏe mạnh, nhận thức đầy đủ về hành vi của bản thân. Những hành vi phạm tội họ thường mắc phải là hành vi ấu dâm, quấy rối tình dục trẻ em, Đây chính là thực trạng đáng bị lên án, xã hội cần đề cao cảnh giác, phòng chống, Đảng và Nhà nước cần phải quan tâm.

Trường hợp người có hành vi phạm tội là người già, sức khỏe yếu và mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân có thể xem xét là 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Cơ sở xem xét đánh giá tình tiết giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào độ tuổi của người có hành vi phạm tội, yếu tố sức khỏe cũng có ảnh hưởng nhiều đến việc áp dụng mức hình phạt, sức khỏe càng yếu mức độ hình phạt càng thấp.

“Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” tại (điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)

Người có hành vi phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức là không ý thức được suy nghĩ, không thể phân biệt được nặng nhẹ, đúng sai... hạn chế khả năng điều khiển hành vi của bản thân là không thể kiểm soát hành vi dẫn đến hành vi phạm tội.

Điều kiện để xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS phải đáp ứng được các điều kiện là người có hành vi phạm tội phải là người đang mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của bản thân. Từ những nguyên nhân khách quan bên ngoài tác động gây ảnh hưởng đến tâm lý của người mắc bệnh kích động dẫn đến hành vi phạm tội.

Trường hợp người mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thực hiện hành vi phạm tội gây nguy hiểm cho xã hội làm thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản... của người khác. Đây là hành vi phạm tội ngoài ý thức của người mắc bệnh, phạm tội không có chủ đích làm hại người khác hay vì nguyên nhân nào đó tác động làm kích động tâm lý người mắc bệnh dẫn đến hành vi phạm tội.

Người mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thực hiện hành vi phạm tội đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS, cần xem xét bản chất hành vi phạm tội, nguyên nhân tác động, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội làm cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Để xác định người thực hiện hành vi phạm tội có mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi phải căn cứ theo kết luận của cơ

quan giám định chuyên môn. Việc thực hiện trung cầu giám định phải dựa theo yêu cầu của người mắc bệnh hay yêu cầu của cơ quan xét xử.

Cơ sở xem xét đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc kết luận của cơ quan có thẩm quyền về tình trạng bệnh tật của người mắc bệnh. Bản chất hành vi phạm tội, nguyên nhân tác động, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội.

“Người phạm tội tự thú” tại (điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội tự thú do nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân hay từ sự tác động của người thân, nguyên nhân khách quan nào đó làm người có hành vi phạm tội cảm thấy ăn năn, hối hận và tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền để khai báo sự việc và hành vi phạm tội của bản thân.

Điều kiện xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS cần căn cứ vào việc người có hành vi phạm tội chưa bị ai phát hiện, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền. Người có hành vi phạm tội nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền khai báo sự việc. Thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối hận và lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội. Bản chất hành vi phạm tội, nguyên nhân tác động, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội.

Trường hợp người có hành vi phạm tội ít nghiêm trọng tự thú và tố giác tội phạm hay hỗ trợ cơ quan chức năng trong quá trình điều tra tội phạm có thể được xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ theo Khoản 2 Điều 25 BLHS 1999.

Trường hợp người có hành vi phạm tội tự thú nhưng tính chất và mức độ phạm tội nghiêm trọng, thì tình tiết tự thú được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS khi cơ quan xét xử vụ việc.

Cơ sở xem xét, đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội. Thời gian từ khi thực hiện hành vi phạm tội đến khi tự thú. Mức độ thành khẩn, ăn năn của hành vi tự thú và lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội.

“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” tại (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội và bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ. Trong giai đoạn tiến hành tố tụng hình sự đã thành khẩn nhận tội, khai báo thành thật đầy đủ toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội và các yếu tố có liên quan, có thái độ ăn năn hối cải vì hành vi phạm tội của bản thân.

Điều kiện để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cần căn cứ vào mức độ thành khẩn khai báo và thái độ ăn năn hối cải, lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội. Bản chất hành vi phạm tội, nguyên nhân tác động, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội.

Trường hợp người có hành vi phạm tội nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội, tự nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, lợi ích... của người khác và cảm thấy ăn năn, hối hận muốn khắc phục hậu quả do hành vi của bản thân gây ra. Đồng thời tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền thành khẩn khai báo sự việc. Đây là tình tiết có thể xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS khi cơ quan xét xử tiến hành xử lý sự việc.

Thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của người có hành vi phạm tội dưới góc nhìn của các nhà chuyên môn và cơ quan xét xử đánh giá tùy thuộc vào mức độ thành khẩn khai báo và thái độ ăn năn hối cải của người có hành vi phạm tội trong giai đoạn tố tụng, ý nghĩa và giá trị thực tế từ việc cung cấp lời khai để xác định hành vi phạm tội, tình tiết phạm tội và các yếu tố liên quan. Sự thành khẩn khai báo đúng với bản chất sự việc và hành vi phạm tội giúp ích cho việc điều tra sớm kết thúc vụ việc, không gây cản trở làm mất thời gian, công sức, tiền bạc của cơ quan điều tra. Đây chính là điểm mấu chốt để sớm đưa vụ việc ra xét xử, được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Trường hợp người có hành vi phạm tội thành khẩn khai báo toàn bộ sự việc, nhưng do nhận thức kém cho là việc mình làm là đúng mà không hiểu được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nên không có thái độ ăn năn hối cải. Trong quá trình bị điều tra được cán bộ điều tra phân tích, giải thích nguyên nhân và hậu quả của hành vi phạm tội đã nhận thức được hành vi của mình là trái với quy định của

pháp luật, có thái độ ăn năn hối hận. Tình tiết này có thể được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Cơ sở xem xét, đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào mức độ thành khẩn và thái độ ăn năn của người có hành vi phạm tội trong giai đoạn tiến hành tố tụng. lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội, bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội.

“Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” và “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” tại (điểm q, r khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm và người có hành vi phạm tội đã lập công chuộc tội, tuy là 2 tình tiết nhưng về bản chất đều có chung quan điểm là người có hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã giúp cơ quan có thẩm quyền phát hiện giải quyết một vụ việc khác có thể liên quan đến bản thân hoặc không liên quan đến bản thân. Quá trình thực hiện từ khi bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi phạm tội và tiến hành thủ tục tố tụng đến trước khi vụ việc được đưa ra xét xử.

Điều kiện để xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS căn cứ theo mức độ thực tế và giá trị, ý nghĩa từ hành động của người có hành vi phạm tội giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền. Bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội gây ra.

Hành động tích cực giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền phát hiện và điều tra tội phạm, cung cấp thông tin, bằng chứng, tài liệu, tin tức cho cơ quan điều tra phát hiện nơi tội phạm lẫn trốn, nơi cất giấu tang vật... hoặc thực hiện các công việc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

Hai tình tiết giảm nhẹ TNHS này thực chất là một điều kiện của việc tự thú, có thể sau khi vụ án bị phát hiện họ đã giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm và lập được công lao. Chỉ khác nhau ở hành vi tự thú là bản thân tự nguyện đến cơ quan có thẩm quyền khai báo hành vi phạm tội, còn hai tình tiết trên là bản thân không tự nguyện khai báo hành vi phạm tội, chỉ khi hành vi

phạm tội bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và bắt giữ thì người có hành vi phạm tội mới thành khẩn nhận tội.

Cơ sở xem xét đánh giá giảm nhẹ TNHS phụ thuộc mức độ hành động giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền phát hiện và điều tra tội phạm, giá trị và ý nghĩa từ các tài liệu, thông tin đã cung cấp. Mức độ công trạng khi kết thúc vụ việc. Bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, lý lịch nhân thân của người có hành vi phạm tội.

“Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” tại (điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người có hành vi phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác. Các thành tích này xuất phát từ nỗ lực của bản thân người có hành vi phạm tội, các thành tích này có giá trị thiết thực trong đời sống xã hội, có ích cho quyền và lợi ích của cộng đồng và được duy trì thường xuyên trong đời sống của bản thân người phạm tội.

Điều kiện để xem xét, áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS là các thành tích phải được công nhận trước khi người này thực hiện hành vi phạm tội. Vì lý do nào đó người này mới có hành vi phạm tội. Tính chất và mức độ phạm tội không nghiêm trọng, không gây ảnh hưởng đến tính mạng, bí mật an ninh quốc gia...

Trường hợp người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác, có lối sống nề nếp, chuẩn mực. Vì lý do khách quan hay chủ quan nào đó họ đã thực hiện hành vi phạm tội, thì cần xem xét lại nguyên nhân tác động, bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội gây ra.

Người có thành tích càng cao và có giá trị ứng dụng vào thực tế đời sống xã hội thì có thể được miễn giảm trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội ít nghiêm trọng và lần đầu phạm tội và nhiều tình tiết khác. Đặc biệt giá trị bản thân của người này giúp ích được cho sự phát triển của đất nước.

Cơ sở xem xét đánh giá giảm nhẹ TNHS xuất phát từ chính những nỗ lực cống hiến cho đất nước của bản thân người có hành vi phạm tội. Nguyên nhân tác động, bản chất hành vi phạm tội, tính chất, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội gây ra.

2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định hình phạt. Để có kết quả cụ thể hơn, tác giả đã lấy số liệu từ báo cáo của TAND huyện Củ Chi, số lượng thụ lý và xét xử vụ án hình sự sơ thẩm với các vụ án đã xảy ra trong 5 năm (từ năm 2013 đến năm 2017).

Việc nghiên cứu các bản án này đã cho tác giả một cái nhìn tổng quát đến chi tiết về việc thực tiễn áp dụng các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về người phạm tội, trong quá trình xét xử hầu hết các bản án đều được thẩm phán xem xét cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt của TAND huyện Củ Chi.

2.2.1. Sự phản ánh về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ qua phân tích hồ sơ các vụ án hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ theo số liệu tổng hợp từ các vụ án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46 BLHS 1999) trong xét xử các vụ án hình sự của TAND huyện Củ Chi trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017 tại huyện Củ Chi như sau:

Năm 2013: Thụ lý 278 vụ - xét xử 276 vụ.

Năm 2014: Thụ lý 296 vụ - xét xử 294 vụ

Năm 2015: Thụ lý 354 vụ - xét xử 351 vụ

Năm 2016: Thụ lý 321 vụ - xét xử 321 vụ

Năm 2017: Thụ lý 230 vụ - xét xử 229 vụ

Bảng 2.2 Số liệu các vụ án hình sự được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử từ năm 2013 đến năm 2017

Tỷ lệ các vụ án có tình tiết giảm nhẹ TNHS / các vụ án xét xử	Năm				
	2013	2014	2015	2016	2017
Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (Điểm b)	54 %	61%	68%	72%	76%
Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (Điểm g)	26%	22%	19%	16%	19%

Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Điểm h).	69%	58%	52%	49%	45%
Phạm tội do lạc hậu (Điểm k)		1.2%			
Người phạm tội là phụ nữ có thai (Điểm l)				0.6%	
Người phạm tội là người già (Điểm m)			0.2%		
Người phạm tội tự thú (Điểm o)	8%	16%	14%	22%	25%
Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm p)	89%	92%	94%	95%	97%
Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (Điểm q)	2%	4%	8%	7%	9%

Nguồn: Báo cáo tổng kết của Tòa án Nhân dân huyện Củ Chi từ năm 2013 đến năm 2017

Căn cứ số liệu thực tiễn, các tình tiết liên quan đến thái độ của người phạm tội từ sự thành khẩn khai báo hoặc có tinh thần hướng thiện có chiều hướng tăng theo các năm dẫn đến năm 2017 số lượng vụ án xét xử giảm đáng kể từ sự thay đổi chính sách, quyết tâm truy quét tội phạm của chính quyền thành phố kết hợp cùng chính quyền địa phương đưa ra mô hình cùng người dân đấu tranh phòng chống tội phạm.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điều 46 BLHS năm 1999) được áp dụng nhiều và có sự tương đồng khá phổ biến ở người phạm tội được các thẩm phán xem xét cân nhắc là: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (Điểm b); Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (Điểm g); Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Điểm h); Người phạm tội tự thú (Điểm o); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm p); Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (Điểm q).

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999) được áp dụng với tần suất khác nhau, có sự chênh lệch rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS không được xem xét áp dụng. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS có sự chênh lệch từ nhiều nguyên nhân.

Điều này thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta, đảm bảo tinh thần thượng tôn pháp luật, áp dụng đúng nguyên tắc pháp luật, tôn trọng quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo, tạo hiệu quả trong giáo dục cải tạo của người phạm tội.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử tại huyện Củ Chi nói riêng và cả nước nói chung cho thấy cách hiểu và việc vận dụng của cơ quan xét xử chưa thống nhất một số tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 như sau:

Ví dụ: Vụ án bị cáo Nguyễn Hùng Cường phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số: 68/2017/HSST ngày 24/04/2017 của TAND huyện Củ Chi. Tuyên bị cáo Nguyễn Hùng Cường phải chịu hình phạt tù 03 năm 06 tháng tù.

Do nhân thân bị cáo đã có hai tiền án, mà vẫn tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm (Điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS 1999).

Bị cáo không thành khẩn khai báo và không có tình tiết giảm nhẹ nào.

Bản án số: 364/2017/HSPT ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hùng Cường đối với bản án số: 68/2017/HSST ngày 24/04/2017 của TAND huyện Củ Chi. Tuyên bị cáo Cường phải chịu hình phạt tù 03 năm tù.

Do bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải nhưng khi lượng hình TAND cấp sơ thẩm không xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: “Thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi ngay để trả lại cho người bị hại” gây bất lợi cho bị cáo.

Cấp phúc thẩm áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như:

Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn (Điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Căn cứ theo nội dung của hai bản án thì bị cáo Nguyễn Hùng Cường phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Nhưng trong quá trình phạm tội, bị cáo chưa lấy được tài sản trộm cắp đã bị bắt. Đây chính là điểm khác biệt giữa cách hiểu và áp dụng tình

tiết giảm nhẹ của cơ quan xét xử. Việc người có hành vi phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn được xem xét là tình tiết giảm nhẹ TNHS được pháp luật quy định cụ thể tại. (Điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Trong quá trình xét xử vụ án cấp sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải được thể hiện trong các tài liệu chứng cứ, nhưng khi lượng hình Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm không xem xét và áp dụng là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được pháp luật quy định tại (Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Như vậy, trường hợp của bị cáo Nguyễn Hùng Cường phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định của pháp luật đáng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại (Điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999), mức hình phạt cũng được xem xét phù hợp hơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã gây bất lợi cho bị cáo, thiếu sự công bằng về quyền lợi cho bị cáo, khi phải chịu mức hình phạt cao hơn so với mức hình phạt thực tế phải nhận.

Ví dụ: Vụ án bị cáo Mai Văn Trúc phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số: 03/2014/HSST ngày 06/01/2014 của TAND huyện Củ Chi. Tuyên bị cáo Nam phải chịu hình phạt tù 09 tháng tù.

Do Tòa án xem xét và áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999); Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Nhân thân bị cáo đã có một tiền sự: ngày 10/07/2013 Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi ra quyết định số 6783/QĐ-UBND đưa Mai Văn Trúc vào cơ sở chữa bệnh lý do sử dụng chất ma túy.

Như vậy, trường hợp của bị cáo Mai Văn Trúc phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định của pháp luật có đáng được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại (Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999) vì nhân thân vào năm 2013 có một tiền sự, mức hình phạt 09 tháng tù có phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo?

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại (Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999) có thể chưa được hợp lý, dẫn đến

mức hình phạt có lợi cho bị cáo. Căn cứ theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 quy định về tội trộm cắp tài sản: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Nếu bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại (Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999) thì mức hình phạt tù thực tế sẽ cao hơn và tính răn đe của hình phạt có hiệu quả hơn. Đồng thời thể hiện được tinh thần thượng tôn pháp luật, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Ví dụ: Vụ án các bị cáo Lưu Văn Bính, Lê Quốc Thừa, Hà Khánh Duy và Nguyễn Thành Nam phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Bản án số: 120/2017/HSST ngày 31/07/2017 của Tòa án nhân dân TAND huyện Củ Chi. Tuyên bị cáo Bính phải chịu hình phạt tù 04 năm tù, bị cáo Thừa phải chịu hình phạt tù 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Duy phải chịu hình phạt tù 02 năm tù, bị cáo Nam chịu hình phạt tù 04 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 năm.

Do Tòa án xem xét và áp dụng cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999). Riêng bị cáo Nam được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999), do gia đình Nam đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Ngoài ra trong nội dung Bản án có ghi nhận tình tiết bị cáo Nam phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nguy hiểm, có hành vi ngăn cản các bị cáo còn lại trước khi thực hiện hành vi phạm tội và trong lúc thực hiện hành vi phạm tội góp phần làm giảm bớt tác hại của hành vi phạm tội. Bị cáo Nam chỉ đi theo và không thực hiện bất cứ hành vi phạm tội nào.

Tuy nhiên trong quá trình xét xử và khi lượng hình TAND các cấp đã không xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nam như: Người phạm tội đã

ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm (Điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS 1999). Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nguy hiểm (Điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Chính vì Tòa án không xem xét và áp dụng cho bị cáo Nam được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại (Điểm a, khoản 1 Điều 46 BLHS 1999) và tình tiết bị cáo không thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội tác động đến người bị hại, nên đã gây bất lợi cho bị cáo và đưa ra mức hình phạt quá cao cho hành vi phạm tội của bị cáo dù bị cáo được hưởng án treo.

Điểm đặc biệt là tình tiết bị cáo Nam không thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội tác động đến người bị hại trong suốt quá trình các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Tình tiết này có ý nghĩa quan trọng mà thực tế trong pháp luật hình sự chưa có quy định nào công nhận đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Và việc không thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nam có bị xem là có tội không?

Như vậy, trường hợp bị cáo Nguyễn Thành Nam bị Tòa án xét xử phạm tội: “Cố ý gây thương tích” có chính xác không? Khi bị cáo Nam không thực hiện hành vi phạm tội đến người bị hại. Ngoài ra bị cáo còn có nhiều tình tiết được ghi nhận trong nội dung Bản án mà theo quy định pháp luật hình sự thì các tình tiết này được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điểm a, b, h, p Khoản 1 Điều 46 BLHS 1999).

Việc bị cáo Nam không thực hiện hành vi phạm tội đến người bị hại có thể được xem xét là bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích” và các tình tiết được nội dung bản án ghi nhận, càng thể hiện Nam đã cố gắng ngăn cản các bị cáo khác trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Nam đi theo các bị cáo khác để ngăn cản, làm giảm bớt tác hại từ hành vi phạm tội của các bị cáo khác, chứ bản thân Nam không thực hiện hành vi phạm tội.

Tổng hợp từ nội dung của 03 Bản án trên, tác giả đã nêu ra một số điểm bất cập, chưa thống nhất quan điểm xem xét đánh giá và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình xét xử của TAND huyện Củ Chi nói riêng và Tòa án nhân dân các cấp ở Việt Nam nói chung.

2.2.2. Những vấn đề rút ra và nguyên nhân của các vấn đề tồn tại

Qua nghiên cứu các bản án cho thấy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đa số đã được vận dụng đúng nội dung và điều kiện theo yêu cầu luật định và đảm bảo tính công bằng, hợp lý. Tuy nhiên, đây là một quy định khá "mở", phụ thuộc nhiều vào nhận thức cũng như trình độ của thẩm phán, do đó không tránh được những sai sót thể hiện ở việc mở rộng hay thu hẹp phạm vi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Một số hạn chế còn tồn tại đó là:

Thứ nhất: Vận dụng sai hoặc không áp dụng các các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội: trong thực tế có một số trường hợp không áp dụng hay áp dụng sai về mặt nội dung như: Không xem xét, áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Khi vận dụng tình tiết người phạm tội là người quá già, người quá già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo mắc sai sót như người mắc bệnh thông thường đau dạ dày, sốt rét lại được coi là mắc bệnh hiểm nghèo, chưa đến 60 tuổi lại được coi là người già. Như vậy, do không có quy định cụ thể về tuổi của người già nên dẫn đến tình trạng áp dụng tùy tiện của Tòa án.

Thứ hai: Không đảm bảo điều kiện áp dụng: điều kiện áp dụng của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khá chặt chẽ, tuy nhiên trong thực tế nhiều trường hợp thiếu một trong các điều kiện vẫn được toà án áp dụng:

Khi vận dụng tình tiết "Phạm tội do lạc hậu" thì nhiều nơi chỉ chú ý đến điều kiện lạc hậu, nghèo nàn của người phạm tội mà bỏ qua điều kiện tình trạng lạc hậu đó phải gắn liền với việc thực hiện hành vi phạm tội.

Khi vận dụng tình tiết "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" lại chỉ chú ý đến vế đầu tiên là "phạm tội lần đầu" chứ không chú ý đến "thuộc trường hợp ít nghiêm trọng".

Nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên có thể do sự phức tạp của quy định về các các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về người phạm tội, chưa có nhận thức thống nhất về nội dung và điều kiện áp dụng, thiếu các hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền hoặc do năng lực nhận thức, khía cạnh nhìn nhận đánh giá của các chủ thể áp dụng. Hậu quả từ cách nhìn nhận, xem xét, đánh giá và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ

TNHS thể hiện sự thiếu thống nhất trong Bộ máy xét xử nói riêng, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung. Các quy định pháp luật chưa được cụ thể và đạt hiệu quả tạo ra các khe hở trong chính sách pháp luật và cơ chế quản lý của Đảng và Nhà nước.

Tóm lại, phạm vi áp dụng của các các tình tiết giảm nhẹ TNHS khá rộng. Các các tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng cho tất cả các loại tội phạm một cách công bằng, không phân biệt mức độ áp dụng đối với từng loại tội phạm riêng biệt nào. Mặc dù phạm vi áp dụng rộng nhưng vẫn có hạn chế, điều kiện áp dụng lại chặt chẽ nên về cơ bản việc vận dụng vẫn đảm bảo được yếu tố khách quan, công bằng đúng theo chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tiểu kết Chương 2

Tác giả nêu ra những thực tiễn xét xử các vụ án cùng tình hình tội phạm và những vấn đề nổi lên tại huyện Củ Chi trong 05 năm.

Từ thực tiễn xét xử tác giả có cái nhìn và đánh giá tổng quan về thực trạng áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS nêu ra mặt tích cực và hạn chế trong thực tiễn xét xử từ việc phân tích một số bản án tại huyện Củ Chi. Từ đó rút ra được những vướng mắc và nguyên nhân các vấn đề còn tồn tại trong việc xem xét, đánh giá và áp dụng “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS”.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRÊN TẠI HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Dự báo về những yếu tố tác động đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Tình hình tội phạm và những vấn đề nổi lên tại huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ theo số liệu tổng hợp về tình hình tội phạm của cơ quan công an huyện Cử Chi trong năm 2017, nhân dân đã cung cấp hơn 200 tin an ninh giá trị cho lực lượng công an, khám phá 12 vụ án và nhờ sự phối hợp với các lực lượng tự vệ địa phương phát hiện 266 vụ phạm pháp, bắt 376 đối tượng ...xóa nhiều “điểm nóng” về an ninh trật tự tại huyện Cử Chi.

Từ số liệu trên, cho thấy tình hình tội phạm tại huyện Cử Chi đã có những chuyển biến tích cực về an ninh trật tự, tội phạm được chuyển hóa vững chắc.

Đây là thành quả của sự quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ thành phố về xây dựng thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, UBND huyện Cử Chi chỉ đạo các đơn vị, địa phương coi trọng phát huy vai trò gia đình trong phòng, chống tội phạm, kết hợp với chủ động tấn công trấn áp tội phạm.

Theo đó, các cấp chính quyền, lực lượng chức năng tổ chức vận động từng hộ ký cam kết, gia đình không có tội phạm và không có người thân tham gia vào các tệ nạn xã hội...Cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành địa phương xây dựng quy chế phối hợp để tổ chức tuyên truyền đến từng hộ gia đình. Năm năm qua, huyện Cử Chi đã tổ chức 511 lớp tập huấn cho cán bộ cơ sở, gần 3.000 buổi sinh hoạt tuyên truyền cho các gia đình tại câu lạc bộ đoàn thể, phát hành hơn 30.000 tài liệu cấp phát đến hộ gia đình.

Trong tuyên truyền, địa phương luôn khéo léo phát huy giá trị truyền thống lịch sử, hoạt động văn hóa, lễ hội...để giáo dục truyền thống gắn với phổ biến pháp luật, phòng chống tội phạm bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú. Các địa

phương cũng phát huy vai trò của những gia đình giàu truyền thống các mạng để tuyên truyền, vận động, cảm hóa các đối tượng.

UBND huyện Củ Chi có biện pháp đẩy mạnh phát triển các trang trại, hỗ trợ vốn sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm cho hộ nghèo, thanh niên, đối tượng có nguy cơ phạm tội cao. Địa phương còn chú ý vận động các hộ cho thuê nhà trọ, mặt bằng không cho người kinh doanh lĩnh vực nghề “nhảy cảm” thuê, mượn, kinh doanh.

Trước tình hình tội phạm ngày càng trẻ hóa, UBND huyện Củ Chi đã chỉ đạo phối hợp tốt giữa nhà trường- gia đình- xã hội trong giáo dục, phòng chống tội phạm trong học sinh, sinh viên. Địa phương kết hợp thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước...bằng những biện pháp, chỉ tiêu cụ thể, qua đó nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Các địa phương thường xuyên rút kinh nghiệm, phát hiện, xây dựng, nhân rộng nhiều mô hình hiệu quả, như “Tổ, hội an toàn”; “Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc”...

Bên cạnh đó, Công an huyện Củ Chi còn phối hợp tốt với các lực lượng, nhất là lực lượng dân quân tự vệ, tăng cường công tác quản lý, đấu tranh phòng chống tội phạm tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp, giáp ranh. Mới đây, huyện Củ Chi đã triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh tại nhiều khu vực. Với hệ thống “tai mắt” này kết hợp với sự hỗ trợ đắc lực của quần chúng. Các lực lượng chủ động rà soát nắm chắc tình hình hoạt động của các nhà trọ, nhà hàng, cơ sở kinh doanh, kịp thời có biện pháp đấu tranh phòng ngừa. Thời gian qua, nhiều điểm nóng về an ninh trật tự, tội phạm được chuyển hóa vững chắc, góp phần xây dựng khu phố, xóm bình yên.

3.1.2. Về chủ thể áp dụng pháp luật

Chủ thể pháp luật là tất cả các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước, các cá nhân, tổ chức có khả năng có quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật.

Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định pháp luật hoặc chính hành vi của mình căn cứ vào những quy định

của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

Áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt đối với một chủ thể và trong một quan hệ nhất định.

Theo pháp luật nước ta, xét xử là hoạt động đặc trưng, là chức năng riêng có của Tòa án nhân dân, hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân là hoạt động trung tâm và chủ yếu của hoạt động tư pháp bởi vì hoạt động tư pháp là hoạt động giữ gìn, bảo vệ pháp luật.

Trong quá trình xét xử, một vụ án hình sự, việc tuyên bố một người là có tội và phải chịu hình phạt nhất thiết phải thông qua hoạt động xét xử của Tòa án. Một người được coi là có tội khi người đó đã bị Tòa án xét xử và kết án theo các quy định của pháp luật bằng một bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Việc xét xử của Tòa án phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật tố tụng và phải trải qua các giai đoạn cụ thể như chuẩn bị xét xử, nghiên cứu hồ sơ, tổ chức phiên tòa xét hỏi, tổ chức và điều khiển việc tranh luận, việc ghi án và ban hành bản án, quyết định của Tòa án.

Việc xét xử phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản như nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nguyên tắc mọi công dân điều bình đẳng trước pháp luật; nguyên tắc xét xử công khai; nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số... chỉ có thông qua hoạt động xét xử, Tòa án mới được phép ban hành các bản án, quyết định về hình sự, dân sự, hành chính để bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và các tổ chức đúng theo quy định của pháp luật.

Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án là một nội dung cụ thể, đặc biệt và quan trọng của hình thức áp dụng pháp luật nói chung. Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân là việc thực hiện pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án để ban hành các bản án, các quyết định nhân danh Nhà nước phán xét một hành vi là tội phạm, phải chịu hình phạt hoặc tuyên bố một hành vi không phải là tội phạm;

Phân xử đúng, sai, xác định tính có căn cứ hay không có căn cứ, tính hợp pháp hay không hợp pháp đối với các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể.

Điều 102 Hiến pháp năm 2013 nước ta quy định: “ *Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân*”.

Như vậy, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất được giao quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính. Hoạt động xét xử của TAND chính là áp dụng pháp luật trong các lĩnh vực giải quyết án hình sự, dân sự, hành chính khi TAND tiến hành thụ lý theo quy định pháp luật.

Thẩm phán và Hội thẩm TAND là những chức danh hợp thành HĐXX của Tòa án. TAND có quyền nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để ra những phán quyết trực tiếp hiện công lý xã hội chủ nghĩa theo những nguyên tắc và trình tự nhất định. HĐXX của TAND có quyền và nghĩa vụ nghiên cứu hồ sơ vụ án và tiến hành xét xử, đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của các tình tiết sự việc; chọn quy phạm pháp luật phù hợp, chính xác và ban hành các bản án, quyết định theo một quy trình chặt chẽ nhằm bảo vệ pháp luật, bảo vệ các quyền hợp pháp của các chủ thể, buộc các chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ của mình đúng theo quy định pháp luật.

Do đó, nhiệm vụ của TAND các cấp không chỉ lo hoàn thành việc xét xử của các vụ án đúng hạn luật định mà quan trọng hơn là phải thực hiện cho được công lý và xã hội chủ nghĩa và công bằng xã hội, phải bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của Nhà nước; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân dân của công dân và hướng vào việc thực hiện mục tiêu chung của toàn dân tộc là bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội đúng theo đường lối, cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngoài ra, áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án còn có vai trò rất quan trọng trong việc góp phần phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật; đặc biệt là thông qua các phiên tòa xét xử công khai. Để nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật, cần có rất nhiều “kênh” để chuyển tải kiến thức pháp luật đến quần chúng nhân dân.

Tóm lại, áp dụng pháp luật là hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình để góp phần thực hiện thành công chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử mà Hiến pháp và pháp luật giao cho TAND các cấp. Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của TAND mang những đặc điểm chung của hoạt động áp dụng pháp luật và được thực hiện theo đúng các nguyên tắc chung của lý luận Mác- Lênin về Nhà nước và pháp luật.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

3.2.1. Các giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng quan về thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình giải quyết vụ án tại huyện Củ Chi và chỉ ra được những nguyên nhân của những bất cập trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quá trình giải quyết vụ án. Tác giả xin đưa ra một số giải pháp giúp hoàn thiện việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử của TAND tại huyện Củ Chi nói riêng và khắp cả nước nói chung được bảo đảm và chính xác.

Thứ nhất: Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ trước đến nay, không đưa ra được khái niệm chung về tình tiết giảm TNHS, dẫn đến có nhiều quan niệm khác nhau về khái niệm tình tiết giảm nhẹ TNHS. Chính vì điều đó Bộ tư pháp cần xây dựng một cách đầy đủ, rõ ràng, khoa học thế nào là khái niệm chung về tình tiết giảm nhẹ TNHS, cấu

thành cụ thể từng tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm thu thập chứng cứ chứng minh các tình tiết giảm nhẹ TNHS, khái quát chung những điều kiện cho việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trong việc áp dụng.

Thứ hai: Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nghề nghiệp của đội ngũ những người tiến hành tố tụng:

Mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng nền Tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại hóa, phục vụ nhân dân, phụng sự đất nước và luôn đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật.

Một trong những nhân tố quyết định cho việc thực hiện thành công công cuộc cải cách Tư pháp là từng bước nâng cao đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

Vì vậy, phải hết sức quan tâm việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ “có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có kiến thức pháp luật cần và đủ, kinh nghiệm hoạt động xã hội, có tinh thần trách nhiệm vì dân”, mỗi cán bộ công chức của ngành Tòa án phải thực sự là người “phụng công, thủ pháp. chí công, vô tư” như chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

Việc áp dụng các quy định của pháp luật nói chung và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đòi hỏi những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, đặc biệt là Thẩm phán Tòa án các cấp phải nghiên cứu chính xác, đầy đủ nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999; đồng thời phải có năng lực thực tiễn áp dụng vào từng vụ án cụ thể.

Kịp thời giải quyết những vướng mắc và uốn nắn các sai sót cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp dưới. Kiểm tra việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 trong kết quả xét xử các vụ án hình sự để có sự đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời những sai sót, vi phạm trong việc áp dụng. Cần có sự tổng hợp, đánh giá và kết luận những tình tiết nào áp dụng đúng để áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

3.2.2. Kiến nghị

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ thành phố về xây dựng thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi chỉ đạo các đơn vị, địa phương coi trọng phát huy vai trò gia đình trong phòng, chống tội phạm, kết hợp với chủ động tấn công trấn áp tội phạm.

Theo đó, các cấp chính quyền, lực lượng chức năng tổ chức vận động từng hộ ký cam kết, gia đình không có tội phạm và không có người thân tham gia vào các tệ nạn xã hội... Cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành địa phương xây dựng quy chế phối hợp để tổ chức tuyên truyền đến từng hộ gia đình. 5 năm qua, huyện đã tổ chức 511 lớp tập huấn cho cán bộ cơ sở, gần 3.000 buổi sinh hoạt tuyên truyền cho các gia đình tại câu lạc bộ đoàn thể; phát hành hơn 30.000 tài liệu cấp phát đến hộ gia đình.

Đây là thành quả đáng được ghi của chính quyền huyện Củ Chi kết hợp với quần chúng dân địa phương, trong việc tuyên truyền, luôn khéo léo phát huy giá trị truyền thống lịch sử, hoạt động văn hóa, lễ hội... để giáo dục truyền thống gắn với phổ biến pháp luật, phòng chống tội phạm bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú. Các địa phương cũng phát huy vai trò của những gia đình giàu truyền thống cách mạng để tuyên truyền, vận động, cảm hóa các đối tượng.

Chính sách đẩy mạnh phát triển các trang trại, hỗ trợ vốn sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm cho hộ nghèo, thanh niên, đối tượng có nguy cơ phạm tội cao. Chú ý vận động các hộ kinh doanh nhà trọ, mặt bằng không cho người kinh doanh lĩnh vực nghề “nhạy cảm” thuê, mượn, kinh doanh.

Trước tình hình tội phạm ngày càng trẻ hóa, UBND huyện Củ Chi đã chỉ đạo phối hợp tốt giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục, phòng chống tội phạm trong học sinh, sinh viên. Địa phương kết hợp thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước... bằng những biện pháp, chỉ tiêu cụ thể, qua đó nâng cao ý thức cảnh giác, trách nhiệm của nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Các địa phương thường xuyên rút

kinh nghiệm, phát hiện, xây dựng, nhân rộng nhiều mô hình hiệu quả, như “Tổ, hội an toàn”; “Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc”...

Bên cạnh đó, Công an huyện Củ Chi còn phối hợp tốt với các lực lượng, nhất là lực lượng dân quân tự vệ, tăng cường công tác quản lý, đấu tranh phòng chống tội phạm tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp, giáp ranh. Mới đây, huyện Củ Chi đã triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh tại nhiều khu vực. Với hệ thống này kết hợp với sự hỗ trợ đắc lực của quần chúng. Các lực lượng chủ động rà soát nắm chắc tình hình hoạt động của các nhà trọ, nhà hàng, cơ sở kinh doanh, kịp thời có biện pháp đấu tranh phòng ngừa. Thời gian qua, nhiều "điểm nóng" về an ninh trật tự, tội phạm đã được chuyển hóa, góp phần xây dựng khu phố, xóm yên bình.

Với những thực tế trên địa huyện Củ Chi, Đảng và Nhà nước cần có chính sách khuyến khích và nhân rộng những thành quả trên phát triển mạnh mẽ trên khắp cả nước. Xây dựng Việt Nam thành một quốc gia có hệ thống phát triển toàn diện về đời sống, xã hội văn minh, an ninh trật tự, trình độ dân trí cao, là điểm đến lý tưởng thu hút nguồn đầu tư và phát triển của các nước khác trên thế giới.

Tiểu kết Chương 3

Tác giả nêu ra dự báo về những yếu tố tác động đến việc áp dụng “các tình tiết giảm nhẹ TNHS” tại địa bàn huyện Củ Chi từ việc phân tích đánh giá số liệu xét xử trong 05 năm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Từ thực tiễn tình hình tội phạm tại địa bàn huyện Củ Chi và các chính sách của chính quyền trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Các mô hình, giải pháp phòng chống tội phạm được xây dựng từ cấp cơ sở như ấp, xóm, phường đến cấp huyện, kết hợp cùng quần chúng nhân dân xây dựng các mô hình hoạt động tích cực đấu tranh với các loại hình tội phạm.

Kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc xem xét, đánh giá và áp dụng “các tình tiết giảm nhẹ TNHS” từ những hoạt động tuyên truyền rộng rãi cho người dân, tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ, công nhân viên chức tại địa bàn huyện Củ Chi, để thống nhất quan điểm nhận thức về “các tình tiết giảm nhẹ TNHS”

KẾT LUẬN

“Các tình tiết giảm nhẹ TNHS” quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam luôn là đề tài mang tính thời sự và phạm vi áp dụng cao. Thể hiện rõ trong mối quan hệ mật thiết giữa việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS với chất lượng xét xử, với việc thực hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước đề ra, nguyên tắc công bằng trong việc xử lý tội phạm. Phạm vi áp dụng cao vì bất kể hành vi phạm tội, độ tuổi người phạm tội, giới tính người phạm tội... đều được xem xét áp dụng trong quá trình xét xử của TAND các cấp. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để tác giả rút ra những kết luận chủ yếu sau:

Là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án quyết định hình phạt đối với người phạm tội, có ý nghĩa là cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, góp phần xây dựng nền tảng xã hội văn minh, bình đẳng, công bằng pháp luật, tạo điều kiện cho người phạm tội có cơ hội làm lại cuộc đời.

Được vận dụng khá nhiều trong thực tiễn và đóng một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, có ý nghĩa to lớn trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

Vì vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện về mặt lý luận cũng như điều chỉnh việc vận dụng vào thực tế hết sức quan trọng để đảm bảo lợi ích cho người phạm tội.

Phân tích những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS về bản chất pháp lý, vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, phân biệt các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với các tình tiết định tội, định khung hình phạt góp phần giúp các chủ thể áp dụng pháp luật áp dụng được đầy đủ, chính xác và đúng các quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Từ những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nghiên cứu các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS hiện hành (BLHS năm 1999) có đáp ứng được những yêu cầu mà Nhà nước đặt ra đối với các tình tiết giảm nhẹ TNHS hay không từ đó đưa ra những giải pháp nhằm đảm bảo áp dụng đúng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử

Qua nghiên cứu hồ sơ của TAND huyện Củ Chi, nhận thấy thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999 đã có những ưu điểm nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn không ít các trường hợp áp dụng những tình tiết này chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác.

Do đó, cần đưa ra những kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu hoàn thiện các quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự... đưa ra những giải pháp để đảm bảo áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử. Đồng thời tăng cường công tác truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ý nghĩa, giá trị của các tình tiết giảm nhẹ TNHS đến quần chúng nhân dân, đặc biệt là vùng sâu vùng xa càng phải quan tâm nhiều hơn.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng. Tăng cường sự giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong áp dụng pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Tất cả các giải pháp này cần phải được tiến hành đồng bộ tùy theo tình hình cụ thể. Bên cạnh đó, cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, để đảm bảo việc hiểu và áp dụng thống nhất trước hết là giữa những đầu tranh phòng người tiến hành tố tụng cũng như những người có liên quan. Có như vậy thì mới đạt được hiệu quả trong ngừa tội phạm, đem lại công bằng cho xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Anh (2015) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lê Văn Cẩm (chủ biên) (2001) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Văn Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002) “Một số vấn đề lý luận cơ bản”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 01, tr.17.
4. Chu Thanh Hà (2015) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc về nhân thân người phạm tội*, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, Học viện khoa học xã hội.
5. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000) *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, ban hành ngày 04/8/2000, Hà Nội.
7. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006) *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 12/5/2006, Hà Nội.
8. Phạm Thị Hương (2013) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, Học viện khoa học xã hội.
9. Vũ Thành Long (2007) “Bàn về tình tiết giảm nhẹ khác ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 22, tr.17.
10. Nguyễn Thị Linh Nga (2011), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ ngành Luật hình sự, Học viện khoa học xã hội.
11. Ưông Chu Lưu chủ biên (2001) *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 - Phần chung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Nguyễn Thị Ngọc Phương (2014) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học.

13. Đinh Văn Quế (2000) *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Đinh Văn Quế (2004) *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999-phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

15. Đinh Văn Quế (2009) “Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 9, tr.6-8.

16. Quốc hội (1985) *Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Quốc hội (1999) *Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Quốc hội (2015) *Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Quốc hội (2013) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. Tòa án nhân dân tối cao (2002) *Công văn số 81/2002/TANDTC về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*, ban hành ngày 10/6/2002, Hà Nội.

21. Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (2013-2017), *100 Bản án*.

22. Viện ngôn ngữ học (1992) *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội.

23. Trần Thị Quang Vinh (2001) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

24. Trần Thị Quang Vinh (2005) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Trần Thị Quang Vinh (2002) “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật phong kiến Việt Nam”, Tạp chí *Luật học*, số 5, tr 60.

26. Trần Thị Quang Vinh (chủ biên) (2012) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam- phần chung*, Nxb Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam.

27. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

28. Võ Khánh Vinh, Trần Thị Quang Vinh (1996) “Về khái niệm, bản chất, ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Việt Nam”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 6, tr.10.

29. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2010) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần Chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.